

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV ĐT PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
THANH HÓA

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 11 năm 2015

**C.TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐT PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *210* /PA - CTĐTPTHT

Thanh Hoá, ngày *17* tháng *11* năm 2015

PHƯƠNG ÁN
CỔ PHẦN HOÁ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THANH HOÁ

1. Cơ sở pháp lý để xây dựng phương án.

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ tám Quốc hội khoá XIII ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ tài chính hướng dẫn cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp DNNN 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, sử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước; Quyết định số 140/2008/QĐ-TTg ngày 21/10/2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số

09/2007/QĐ-TTg và Thông tư số 83/2007/TT-BTC ngày 16/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung sắp xếp lại, sử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định tại Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ công văn số 1959/TTg-ĐMDN ngày 27/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011-2015;

- Quyết định số: 3825/QĐ-UBND ngày 6/11/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa;

- Căn cứ Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 22/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/NQQ-CP ngày 06/03/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Quyết định số: 3913/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa;

- Quyết định số: 4702/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa,

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2- Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và chủ trương của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cổ phần hóa Công ty TNHH 1 Thành viên Cấp nước Thanh Hóa nhằm các mục tiêu:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, tăng cường năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty hiện nay và trong tương lai;

- Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để tăng cường năng lực

tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp;

- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy công tác điều hành quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp;

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

Phần A

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA

I – Khái quát chung về Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa

1 – Tên và địa chỉ doanh nghiệp

Tên tiếng việt: Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa

Tên tiếng Anh: Thanh Hoa investment Development in frastructure Join stock Company

Trụ sở chính: Khu B - Khu công nghiệp Lễ Môn - thành phố Thanh Hoá

Điện thoại: 037 3910264 - Fax: 0373 910264.

Mã số thuế: 2800962521

Quyết định thành lập: Số 2285/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá.

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh 2800962521 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 29 tháng 7 năm 2010 và cấp thay đổi lần 5 ngày 02 tháng 01 năm 2014.

2 -Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa là doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, do UBND tỉnh Thanh Hoá làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

- Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa, tiền thân là công ty phát triển và khai thác hạ tầng các KCN Thanh Hóa, được thành lập theo Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân :

Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa có tư cách pháp nhân, có tên riêng, con dấu riêng và được mở tài khoản bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ tại các ngân hàng trong và ngoài nước.

Công ty có bộ máy điều hành, có quyền và nghĩa vụ của công ty TNHH một thành viên theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật.

Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa.

Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa có quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, sản phẩm, biểu tượng của công ty theo quy định của pháp luật.

4 - Chức năng, nhiệm vụ của công ty:

Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa được UBND tỉnh giao nhiệm vụ cung ứng các sản phẩm công ích; Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng và các nhiệm vụ khác do Chủ sở hữu giao;

5 – Ngành nghề kinh doanh (Theo GCNĐKKD)

Các lĩnh vực kinh doanh chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Phá dỡ công trình xây dựng, dân dụng
- Chuẩn bị mặt bằng
- Xây dựng Nhà các loại
- Thoát nước và xử lý nước thải
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

6 – Cơ cấu tổ chức công ty.

a - Cơ cấu tổ chức quản lý công ty bao gồm: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc

b - Bộ máy giúp việc

- Gồm : 02 phó giám đốc, Kế toán trưởng và 01 kiểm soát viên không chuyên trách

- Các phòng chức năng chuyên môn, nghiệp vụ: 3 phòng.

+ Phòng Tổ chức - Hành chính.

+ Phòng Kế hoạch Tài chính.

+ Phòng Kỹ thuật và quản lý dự án.

- Các Chi nhánh trực thuộc: 6 Chi nhánh gồm:

1. Chi nhánh Dịch vụ tổng hợp
2. Chi nhánh Xây dựng số 1
3. Chi nhánh Môi trường
4. Chi nhánh Dịch vụ KCN Tây Bắc Ga
5. Chi nhánh xây lắp số 2
6. Chi nhánh Quản lý nhà ở sinh viên

*** Chức năng, nhiệm vụ các phòng chức năng công ty.**

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty theo chức năng được Chủ tịch công ty qui định.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chức năng.
- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các Chi nhánh trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Tổ chức hoạt động kinh doanh các lĩnh vực được phân công.

*** Chức năng, nhiệm vụ của các Chi nhánh trực thuộc:**

- Tổ chức các hoạt động kinh doanh – phục vụ theo ngành nghề đăng ký kinh doanh trên địa bàn được phân công.
- Ổn định và phát triển thị trường trên địa bàn và ngoài địa bàn.
- Thực hiện hoàn thành nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch công ty giao.
- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được giao, tạo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người lao động.

7 - Mạng lưới và cơ sở vật chất

- Trụ sở 02 tầng được xây dựng trên khuôn viên với diện tích là: 5.000 m²
- Hệ thống mạng lưới dịch vụ với 02 tổ hợp gồm nhà ăn phục vụ sinh viên và Trụ sở Hợp khối.

- Hiện tại phương tiện phục vụ gồm: 03 xe ô tô con

- Các loại máy dùng cho xây dựng: 01 máy xúc, 01 máy lu rung, máy ủi

8 – Vốn kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, vốn kinh doanh của công ty là: 153.936.049.909 đồng.

II. Thực trạng của Doanh nghiệp đến thời điểm xác định giá trị Doanh nghiệp (0h ngày 01/01/2015)

A. Tổng cộng nguồn vốn hoạt động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0h ngày 01/01/2015).

a – Phân theo cơ cấu

Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	DVT: Triệu đồng
			31/12/2014 theo

			đánh giá lại
1. Tài sản ngắn hạn	45.515	104.146	66.172
2. Tài sản dài hạn	65.949	74.206	85.604
3. Giá trị lợi thế KD của DN			790
4. Giá trị quyền sử dụng đất			1.370
Tổng cộng	111.464	178.352	153.936

b – Phân theo nguồn vốn.

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014 theo đánh giá lại
Nguồn Vốn CSH	47.946	56.002	27.134
Nợ phải trả	63.518	122.350	126.802
Tổng cộng	111.464	178.352	153.936

B. Giá trị quyền sử dụng đất:

Hiện trạng sử dụng cơ sở nhà, đất của Công ty

Hiện nay Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Phát triển hạ tầng Thanh Hóa có Văn phòng Công ty quản lý sử dụng và cho thuê đất với Tổng diện tích là: **1.101.239,6 m²** Bao gồm: Khu công nghiệp Lễ Môn: 754.350 m², Nhà ở công nhân tại KCN Lễ Môn: 29.977,6 m² Đất xây dựng Trụ sở Công ty tại Khu kinh tế Nghi Sơn, Xuân Lâm, Tỉnh Gia: 1.600 m², Nhà ở sinh viên 13 tầng: 9.830 m². Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp: 2.940 m². Dự án mở rộng Nhà máy Sakurai Giai đoạn 2, KCN Lễ Môn, phường Quảng Hưng Thành phố Thanh Hóa: 85.038 m². Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng cho Công ty TNHH Giấy ANNORA Việt nam thuê lại trong Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Xuân Lâm, xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia Tỉnh Thanh Hóa: 217.504 m².

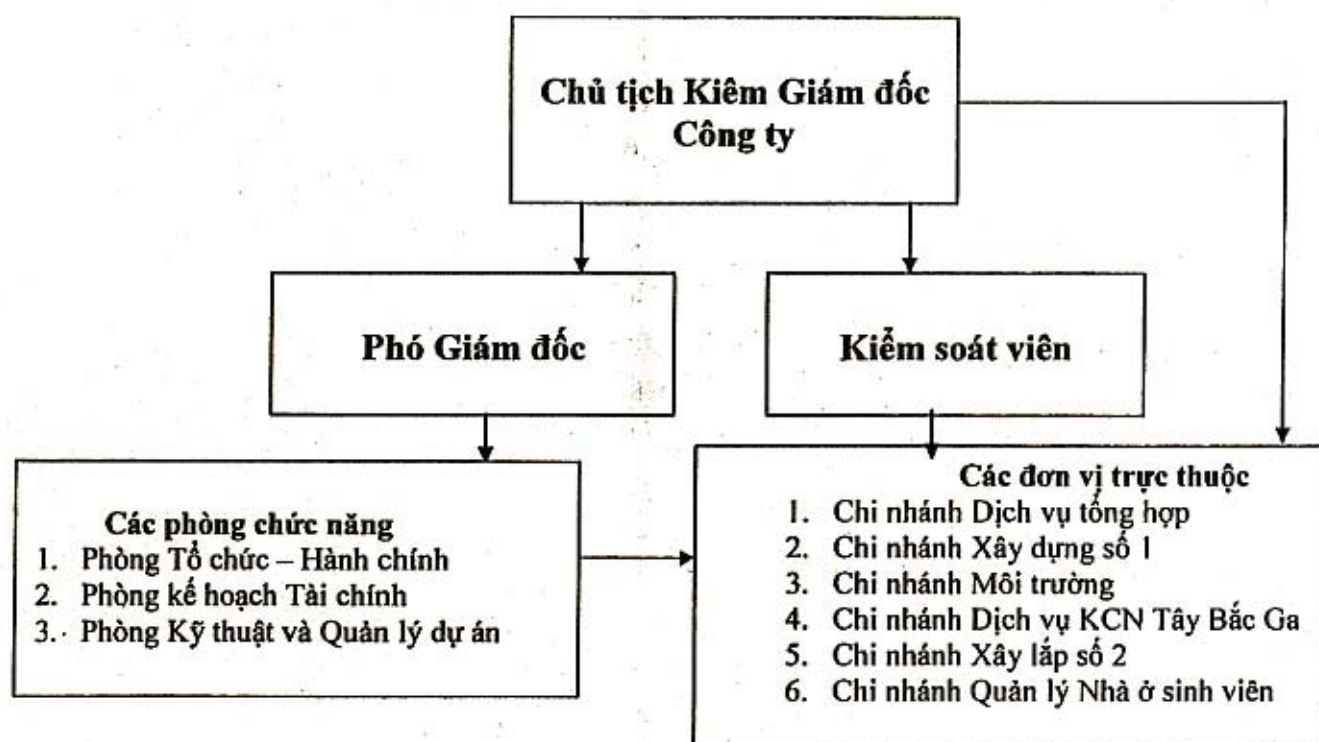
C. Cơ cấu tổ chức và lao động

1. Cơ cấu tổ chức

Công ty được tổ chức theo mô hình Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, Kiểm soát viên. Bộ máy tổ chức Công ty bao gồm:

- Chủ tịch Công ty
- Ban điều hành Công ty gồm: Giám đốc và các Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc
- Bộ máy quản lý bao gồm các phòng, ban giúp việc cho Giám đốc được tổ chức thành 3 phòng và 6 Chi nhánh trực thuộc.

Sơ đồ tổ chức hiện tại:



2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong Công ty

2.1 Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty

Chủ tịch Công ty là người do UBND tỉnh Thanh Hóa bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 5 năm, là người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty. Là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty. Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Thanh Hóa, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

2.2 Kiểm soát viên

Kiểm soát viên là người do UBND tỉnh Thanh Hóa bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 3 năm, kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Thanh Hóa; trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

2.3 Ban điều hành

- **Giám đốc** Là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Thanh Hóa, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

- Các phó Giám đốc:

Phó Giám đốc là người giúp và tham mưu cho Giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công.

2.4. Phòng Tổ chức Hành chính.

- Tham mưu giúp Giám đốc Công ty thực hiện các chức năng: Tổ chức lao động, tiền lương, hành chính, bảo vệ trật tự an ninh trong nội bộ Công ty, phân cấp quản lý cán bộ của Công ty

- Xây dựng các phương án, các văn bản quản lý về tổ chức, tham mưu cho Lãnh đạo về trình độ, phong cách, tình hình nhân lực của Công ty, áp dụng các biện pháp nhằm quản lý hiệu quả nguồn nhân lực và tiền lương.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về chuyên môn nghiệp vụ, các phương án về chế độ, chính sách, sắp xếp lao động, định mức lao động, năng suất lao động, đơn giá tiền lương, chính sách tiền lương, tiền thưởng, chế độ làm việc, nghỉ ngơi, chế độ bảo hiểm, bảo hộ lao động, chế độ hưu trí, thôi việc, đảm bảo an toàn về mặt xã hội và luật pháp cho người lao động.

- Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, công cụ, phương tiện và điều vận phương tiện thuộc lĩnh vực hành chính, quản lý con dấu, công văn, giấy tờ của Công ty theo quy trình, quy phạm quản lý hành chính nhà nước.

2.5. Phòng Kỹ thuật và quản lý dự án

Lập và quản lý các dự án đầu tư do Công ty làm chủ đầu tư theo quy định của Nhà nước.

- Trực tiếp quản lý các dự án đầu tư theo kế hoạch được giao.

- Quản lý vốn, tổ chức giám sát, nghiệm thu kỹ thuật, chất lượng các công trình dự án theo đúng các quy định của nhà nước về quản lý trong xây dựng cơ bản.

2.6. Phòng Kế hoạch Tài chính.

- Tham mưu giúp Giám đốc Công ty về việc thực hiện các chế độ tài chính của Nhà nước. Thực hiện chức năng kiểm soát viên của nhà nước về mặt tài chính tại Công ty.

- Tổ chức hạch toán, kế toán, quản lý và sử dụng các nguồn lực vào sản xuất kinh doanh.

- Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả.

- Tổ chức hạch toán, kế toán toàn Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và Nhà nước về tính pháp lý, tính chính xác của toàn bộ hoạt động kế toán tài chính theo pháp luật kế toán thống kê của Nhà nước.

- Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo, quyết toán, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh theo định kỳ và đúng quy định của Nhà nước.

- Phối hợp với các phòng ban liên quan xây dựng kế hoạch năm, dài hạn phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc quản lý, thu, chi, sử dụng các loại quỹ, vốn (đặc biệt bằng tiền) và hệ thống tài sản cố định của toàn Công ty.

3 – Tình hình lao động của công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

a – Số lượng lao động.

Tổng số lao động hiện có đến 31/8 /2015 là: 83 người (kèm theo phụ lục 1)

Trong đó:

- Lao động là viên chức không thuộc diện ký HĐLĐ là: 4 người.

- Lao động Hợp đồng không xác định thời hạn là: 77 người

- Lao động Hợp đồng xác định thời hạn là: 02 người

b – Chất lượng lao động:

+ Trên Đại học : 02 người

+ Đại học: 31 người

Cao đẳng: 9 người

Trung cấp: 22 người

+ Công nhân nghề: 4 người

+ Lao động phổ thông 12/12: 13 người

*** Cơ cấu lao động:**

I	Văn phòng Công ty	39
1	Cán bộ quản lý công ty	4
2	Phòng Tổ chức Hành chính	24
3	Phòng Kế hoạch Tài chính	5
4	Phòng Kỹ thuật và quản lý dự án	6
II	Các Chi nhánh Trực thuộc	44
1	Chi nhánh Dịch vụ tổng hợp	5
2	Chi nhánh xây dựng số 1	6
3	Chi nhánh Môi trường	11
4	Chi nhánh Dịch vụ KCN Tây Bắc Ga	02
5	Chi nhánh Xây lắp số 2	01
6	Chi nhánh Quản lý nhà ở sinh viên	19
III	Lao động khác	

III – TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA CÔNG TY 3 NĂM TRƯỚC KHI CỎ PHẦN HOÁ (TỪ NĂM 2012 – 2014).

Trong những năm qua, công ty kinh doanh trong điều kiện có nhiều khó khăn lạm phát, giá cả tăng cao, sản xuất kinh doanh chưa có nhiều cải thiện, việc huy động vốn khó khăn, điều kiện thời tiết bất lợi đối với hoạt động xây dựng trên công trường làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh những khó khăn, được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; chỉ đạo của các Sở, Ban, Ngành; sự đồng tình ủng hộ của cấp ủy, chính quyền địa phương huyện, xã; đồng thời với sự lãnh đạo đúng đắn của các cấp ủy chỉ bộ, sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của ban lãnh đạo chuyên môn từ Công ty đến Chi nhánh, cùng với sự đồng tâm hiệp lực, cố gắng của mỗi tập thể, mỗi cá nhân trong toàn công ty, Công ty đã phát huy nội lực, vượt qua khó khăn để đưa hoạt động Kinh doanh - Phục vụ ngày càng phát triển, thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo toàn vốn và phát triển doanh nghiệp. Một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu của công ty:

1 - Kết quả KD từ năm 2012 đến 2014.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
I	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tr đồng	47.946	56.002	56.607
II	Tổng doanh thu	Tr đồng			
	Trong đó: doanh số nội bộ	Tr đồng	54.263	63.702	74.763
1	- Doanh thu bán hàng	Tr đồng	51.627	62.443	59.066
2	- Doanh thu HĐTC	Tr đồng	2.520	1.245	1.851
3	- Thu nhập khác	Tr đồng	116	14	13.846
III	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr đồng	1.992	3.860	2.902
IV	Nộp Ngân sách	Tr đồng	9.983	3.169	5.946
1	Thuế GTGT	Tr đồng	5.270	585	3.569
2	Thuế TNDN	Tr đồng	1.298	1.952	1.713
3	Thuế, phí khác	Tr đồng	3.415	406	664
V	Tổng số Lao động BQ	Người	60	80	83
VI	Lương bình quân tháng	1.000 đ	4.500	5.110	5.146
VII	Nộp BHXH, BHYT, BHTN	Tr đồng	563	821	1.035
VIII	Tổng nợ phải trả	Tr đồng	63.518	122.350	126.802
1	Phải trả ngân sách	Tr đồng	47	985	158

2	Nợ khác	Tr đồng	63.471	121.365	126.643
IX	Tổng số nợ phải thu	Tr đồng	6.154	8.345	22.668

Qua số liệu kinh doanh của công ty 3 năm trước khi cổ phần hoá cho thấy Công ty tăng trưởng và phát triển ổn định, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, thu nhập người lao động tăng trưởng liên tục (trên 10%) qua các năm, nền tài chính ổn định, vững vàng. Hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất tài chính được Chủ sở hữu giao.

2 – Một số lĩnh vực kinh doanh chủ yếu

a – Kinh doanh Xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp, dịch vụ công ích, cho thuê lại đất và khai thác hạ tầng KCN Lễ Môn, Vệ sinh môi trường, Duy tu bảo trì hạ tầng kỹ thuật ...

b – Kinh doanh Dịch vụ phục vụ tại khu Nhà ở sinh viên:

Quản lý, điều hành, khai thác đến nay đã thu hút được 956 SV/984 SV(đạt 96% công suất Nhà ở)

IV - TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI.

1 – Danh mục diện tích đất công ty đang quản lý, sử dụng.

TT	Địa điểm, đơn vị quản lý sử dụng	ĐVT	Số lượng Lô đất	Diện tích		
				Tổng số	Trong đó hình thức	
					Đất thuê	Ghi chú
1	Khu công nghiệp Lễ Môn	m ²	02	754.350	754.350	
2	Nhà ở công nhân tại KCN Lễ Môn	m ²	01	29.977,6	29.977,6	
3	Đất XD Trụ sở Công ty tại KKT Nghi Sơn, Xuân Lâm, Tỉnh Gia	m ²	01	1.600	1.600	
4	Nhà ở sinh viên 13 tầng	m ²	01	9.830	9.830	
5	Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp	m ²	01.	2.940	2.940	(Chỉ giao quản lý tài sản, không thu tiền sử dụng đất)
6	Dự án Mở rộng Nhà máy Sakurai Giai đoạn 2, KCN Lễ Môn, phường Quảng Hưng, TP Thanh Hóa	m ²		85.038	85.038	
7	Dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng cho Công ty TNHH Giấy ANNORA	m ²		217.504	217.504	

Việt Nam thuê lại trong KKT Nghi Sơn, xã Xuân Lâm, xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia Tỉnh Thanh Hóa					
TỔNG CỘNG			1.101.239,6	1.101.239,6	

Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán đến thời điểm 31/12/2014 (thời điểm theo Quyết định số: 3825/QĐ - UBND ngày 6 tháng 11 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty). Số liệu trên sổ sách kế toán như sau:

- | | |
|---|----------------------|
| 1 – Tổng giá trị tài sản thực tế đang dùng của công ty: | 150.503.694.369 đồng |
| 2 – Giá trị thực tế vốn nhà nước: | 23.702.091.182 đồng. |
| 3 – Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp: | 32.905.453.551 đồng |
| Tài sản không cổ phần hóa giao đơn vị quản lý: | 32.905.453.551 đồng |

V. NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI CẦN GIẢI QUYẾT

1 – Về lao động:

- Hiện nay công ty có một số lao động trình độ, năng lực hạn chế khó đáp ứng yêu cầu kinh doanh sau khi cổ phần và 01 đồng chí Phó Giám đốc Công ty xin nghỉ hưu theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ. Vì vậy, Công ty lập phương án đề nghị UBND tỉnh phê duyệt để lập hồ sơ giải quyết cho nghỉ chế độ mất việc theo qui định của Bộ luật lao động, dự kiến là: 3 người . Tổng dự toán kinh phí chi trả chế độ trợ cấp mất việc làm là **160.307.500 đồng**.

2 – Về các khoản công nợ cần xử lý.

Hiện tại công ty có một số công nợ của một số doanh nghiệp trong KCN khó có khả năng thu hồi. Đề nghị cấp trên xem xét xử lý theo quy định là trích lập dự phòng phải thu khó đòi để tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động sau khi chuyển sang công ty cổ phần.

PHẦN B PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

Tổ giúp việc cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa Báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa Doanh nghiệp thẩm định và trình UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Phương án chuyển Công ty TNHH một thành viên

Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa thành Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Hóa theo các nội dung sau:

I. Hình thức cổ phần hóa.

Căn cứ theo tình hình thực tế và quy định tại điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, lựa chọn hình thức cổ phần hóa là bán một phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

II. Doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.

1. Tên Công ty

1.1. Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP THANH HÓA

1.2. Tên viết tắt: JSC

1.3. Tên tiếng Anh: Thanh Hoa Industrial Zone Infrastructure Investment JSC

2. Trụ sở chính: Khu B – Khu Công nghiệp Lễ Môn - Thanh Hóa

- Điện thoại: (037).3910264 - FAX: (037).3910264

- Tài khoản số : 102.01.0000.626206 - Tại Ngân hàng cổ phần Công thương Sầm Sơn Thanh Hóa.

- Tài khoản số: 5021.00000 166 25 - Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lam Sơn Thanh Hóa

- Tài khoản số : 210 01 01 00 23 907 - Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

III. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Phá dỡ công trình xây dựng, dân dụng
- Chuẩn bị mặt bằng
- Xây dựng Nhà các loại
- Thoát nước và xử lý nước thải
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

IV. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa:

Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 0h ngày 01 tháng 01 năm 2015 được xác định theo Quyết định số 4702/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh

Thanh Hóa về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa, như sau:

- | | |
|---|----------------------|
| 1 – Tổng giá trị tài sản thực tế đang dùng của công ty: | 150.503.694.369 đồng |
| 2 – Giá trị thực tế vốn nhà nước: | 23.702.091.182 đồng. |
| 3 – Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp: | 32.905.453.551 đồng |
| Tài sản không cổ phần hóa giao đơn vị quản lý: | 32.905.453.551 đồng |

2/ Mục tiêu cổ phần hoá

Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá được thực hiện cổ phần hoá nhằm đáp ứng các yêu cầu:

- Đa dạng hoá nguồn vốn chủ sở hữu, huy động hữu hiệu nguồn vốn để đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần quan trọng để nâng cao hiệu quả kinh doanh, sức cạnh tranh của công ty; tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho công ty để sử dụng hiệu quả vốn, tài sản chủ sở hữu, khai thác tiềm năng nội lực, ngoại lực sẵn có của công ty trên địa bàn.

- Tạo điều kiện cho người lao động trong công ty và thành phần khác góp vốn tham gia quá trình phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển đơn vị, tăng nguồn thu cho ngân sách và tăng thu nhập cho người lao động.

- Đổi mới phương thức quản lý, phát huy thực sự vai trò làm chủ và tinh thần trách nhiệm quản lý để phát triển và thúc đẩy sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn.

3. Giá trị thực tế của doanh nghiệp.

* Căn cứ Quyết định số: 4702 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp. Giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá theo sổ sách kế toán và theo đánh giá lại thể hiện qua số liệu trong biểu sau:

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1.	2.	3.	4.
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	150.503.694.369	153.936.049.909	3.432.355.540
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	80.727.870.683	85.604.263.141	4.876.392.458
1. Tài sản cố định	19.525.112.946	20.797.987.999	1.272.875.053
a. TSCĐ hữu hình	19.525.112.946	20.797.987.999	1.272.875.053
b. TSCĐ vô hình			
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
3. Chi phí XDCB dở dang	60.647.982.458	60.647.982.458	-
4. Chi phí trả trước dài hạn	504.775.279	4.108.292.684	3.603.517.405
5. Tài sản dài hạn khác	50.000.000	50.000.000	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	69.775.823.686	66.172.306.281	(3.603.517.405)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	18.502.136.750	18.502.136.750	
+ Tiền	4.369.891.085	4.369.891.085	
+ Các khoản tương đương tiền	14.132.245.665	14.132.245.665	
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.074.264.654	4.074.264.654	
3. Các khoản phải thu	22.668.054.893	22.668.054.893	
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	16.820.078.911	16.820.078.911	
5. TSLĐ khác	7.711.288.478	4.107.771.073	(3.603.517.405)
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	790.480.487	790.480.487
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	1.369.000.000	1.369.000.000
B. Tài sản không cổ phần hóa giao đơn vị quản lý	32.905.453.551	32.905.453.551	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	32.905.453.551	32.905.453.551	-
1. 16 Hạng mục hạ tầng KCN Lễ Môn	32.905.453.551	32.905.453.551	-
2. Nhà ở sinh viên 13 tầng	-	-	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn:	-	-	-
C. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn:	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng (không sử dụng cho SXKD)	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	183.409.147.920	186.841.503.460	3.432.355.540
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	150.503.694.369	153.936.049.909	3.432.355.540
E1. Nợ thực tế phải trả Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	126.801.603.187	126.801.603.187	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A – (E1+E2)]	23.702.091.182	27.134.446.722	3.432.355.540
GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP ĐỂ CỔ PHẦN HOÁ	150.503.694.369	153.936.049.909	3.432.355.540

* Giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hoá: 153.936.049.909 đồng.

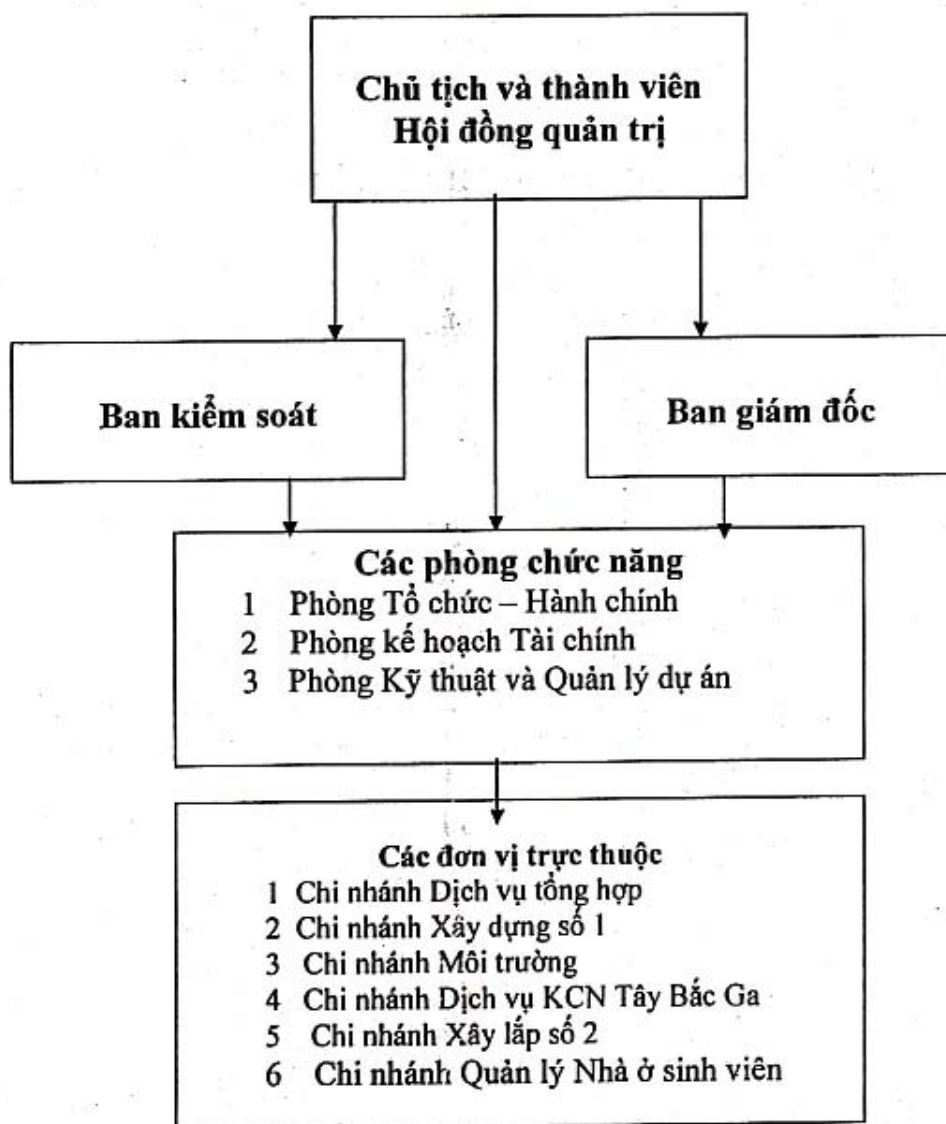
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 27.134.446.722 đồng.
- Giá trị tài sản không đưa vào cổ phần hoá: 32.905.453.551 đồng.

II – NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ.

1- Hình thức cổ phần hoá

Căn cứ tình hình thực tế, công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá chọn hình thức cổ phần hoá theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011.

2 – Dự kiến cơ cấu tổ chức sau khi chuyển sang công ty cổ phần:



3 Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

3.1 - Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 27.134.000.000 đồng.

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần.
- Tổng số cổ phần: 2.713.400 cổ phần. Trị giá: 27.134.000.000 đồng

3.2 - Cơ cấu vốn điều lệ, tỷ lệ cổ phần các cổ đông

- 3.2.1 Cổ phần Nhà nước: 1.329.566 cổ phần, chiếm 49 % vốn điều lệ
- Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động doanh nghiệp: 257.800 Cổ phần, chiếm 9,5 % vốn điều lệ trong đó:
 - Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động đăng ký làm việc lâu dài tại doanh nghiệp : 68.800 cổ phần chiếm 2,53 % vốn điều lệ
 - Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp: 189.000 cổ phần chiếm 6,97 % vốn điều lệ
- 3.2.2 Cổ phần bán ra ngoài cho các cổ đông: 1.126.034 cổ phần , chiếm 41,5 % vốn điều lệ.

3.3 - Kế hoạch bán đấu giá cổ phần

- Thời gian dự kiến: trong tháng 12 năm 2015
 - Số lượng cổ phần bán đấu giá : 1.126.034 cổ phần
 - Phương thức bán cổ phần: Đấu giá
 - Cơ quan bán đấu giá: Công ty cổ phần chứng khoán châu Á Thái Bình Dương
 - Địa điểm bán cổ phần: Sàn giao dịch chứng khoán
 - Giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần: 12.000 đồng /cổ phần (Mười hai nghìn đồng một cổ phần)
 - Số lượng bán tối thiểu cho một cá nhân hoặc tổ chức là: 100 cổ phần
 - Số lượng bán tối đa cho một cá nhân không quá: 1.126.034 cổ phần
- Trường hợp số cổ phần bán không hết thì được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Những rủi ro dự kiến.

4.1. Rủi ro kinh tế

Công ty chịu những rủi ro chung do tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu và trong nước cùng với những rủi ro về tài chính, tín dụng, thuế, kiểm chế lạm phát, giảm đầu tư công...là những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của công ty.

4.2. Rủi ro đặc thù ngành.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khai thác hạ tầng KCN Lễ Môn theo giá thuê lại đất do UBND tỉnh quy định không thay đổi trong suốt quá trình hoạt động của KCN vì vậy là hạn chế lớn đến nguồn thu, nguồn bù đắp chi phí cho quá trình hoạt động

của KCN đặc biệt là khi hạ tầng KCN xuống cấp, cần phải sửa chữa lớn hoặc nâng cấp, đầu tư cải tạo lại sẽ không đảm bảo nguồn, chi phí để thực hiện, cần thiết phải có sự hỗ

thể hiện nay của Công ty như: vệ sinh môi trường KCN, Khu kinh tế Nghi Sơn, hoạt động xây lắp các công trình, kinh doanh dịch vụ và cho thuê Nhà ở sinh viên, nhà ở công nhân, Nhà ở Hợp khối, kinh doanh bất động sản cũng gặp không ít rủi ro do giá cả biến động, không ổn định, người tiêu dùng thu nhập thấp nên mức tiêu dùng không cao các hợp đồng xây lắp giảm do Nhà nước giảm đầu tư công trình là những yếu tố bất lợi làm hạn chế doanh thu, lợi nhuận của đơn vị.

4.3. Rủi ro về lãi suất.

Khi lãi suất tăng cao trong điều kiện lạm phát cao, Công ty có thể gặp rủi ro trong việc tiếp cận nguồn vốn vay để kinh doanh và chịu mức lãi suất cao ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

4.4. Rủi ro về pháp luật

Khi Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi các văn bản pháp luật và Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, cũng như các văn bản pháp luật khác trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh. Trong khi đó hệ thống pháp luật Việt Nam còn đang trong giai đoạn từng bước hoàn thiện để tạo ra hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, bên cạnh đó việc thực thi pháp luật còn nhiều bất cập sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của doanh nghiệp.

5. Dự toán chi phí cổ phần hóa.

Dự toán chi phí cổ phần hóa trong giai đoạn hiện tại: 500.000.000 đồng

(Năm trăm triệu đồng chẵn)

6. Dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu bán cổ phần

Trên cơ sở giá trị thực tế vốn Nhà nước, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại công ty cổ phần, Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Hóa dự kiến Kế hoạch hoàn vốn Ngân sách như sau:

Theo phương án giả định số cổ phần bán hết cho CBCNV và đấu giá công khai thành công với mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần.

STT	Khoản mục	Số cổ phần	Số tiền
1	Giá trị vốn Nhà nước thực tế tại DN sau khi đánh giá lại	2.713.400	27.134.000.000
2	Giá trị mệnh giá bán đấu giá cổ phần		10.000
3	Tiền thu từ bán cổ phần	1.383.834	13.563.140.000
-	Thu bán CBCN viên cổ phần ưu đãi 60 %	68.800	412.800.000
-	Thu bán CBCNV cổ phần mua thêm	189.000	1.890.000.000
-	Thu bán đấu giá công khai	1.126.034	11.260.340.000
4	Giá trị vốn góp cổ phần của Nhà nước	1.329.566	13.295.660.000.

4	Giá trị vốn góp cổ phần của Nhà nước	1.329.566	13.295.660.000.
5	Chi phí cổ phần hóa		500.000.000
6	Chi phí giải quyết chính sách cho người lao động		160.307.500
7	Nộp về quỹ sắp xếp doanh nghiệp		12.902.832.500

Số tiền thu được từ cổ phần hóa doanh nghiệp sẽ được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa, thanh toán chi trả giải quyết chính sách lao động đối dư khi cổ phần hóa và nộp vào quỹ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định.

7. Phương án lao động.

7.1 Thực trạng hiện nay:

Tổng số CBCNV và người lao động ký Hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm (12 tháng) tính đến thời điểm 13/11/2015, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, định mức lao động là 83 người.

Trong đó:

+ Cán bộ viên chức: 81 người

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 12 tháng: 02 người bảo vệ

Trình độ đào tạo của đội ngũ của CBCNV và người lao động hiện nay như sau:

+ Trên Đại học : 02 người

+ Đại học: 33 người

+ Cao đẳng: 9 người

+ Trung cấp: 20 người

+ Công nhân nghề: 4 người

+ Lao động phổ thông 12/12: 15 người

7.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, Kiểm soát viên, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng Trong đó:

- Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty: 01 người
- Phó giám đốc: 02 người
- Kiểm soát viên: 01 người
- Kế toán trưởng: 01 người

- Các phòng: 03 Phòng - Tổ chức - Hành chính , Kỹ thuật & Quản lý dự án , Kế hoạch
- Tài chính

- Các đơn vị trực thuộc: 06 Chi nhánh

+ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty; Là người đứng đầu Công ty, được Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Công ty.

+ Các phó Giám đốc; Các phó Giám đốc có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty về các phần việc được phân công, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và trước pháp luật về việc giải quyết các nhiệm vụ được phân công, ủy quyền.

+ Kiểm soát viên: Là người được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa bổ nhiệm để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo pháp luật và điều lệ Công ty.

+ Kế toán trưởng: Do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ và quyền hạn trong luật kế toán và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

7.3 Bộ máy biên chế sắp xếp lại như sau:

7.3.1/- Phòng Tổ chức - Hành chính (khi chưa sắp xếp lại) 24 người:

- 01 Trưởng phòng phụ trách chung
- 01 Phó trưởng phòng kiêm Trưởng ban quản lý chợ
- 01 Phó trưởng phòng kiêm Tổ trưởng tổ cơ giới
- 02 Lái xe
- 01 Nhân viên văn thư kiêm tạp vụ
- 10 Bảo vệ
- 3 Nhân viên văn phòng
- 01 Nhân viên kế toán chợ
- 4 Nhân viên tổ cơ giới

+ Phòng Tổ chức hành chính sau khi sắp xếp lại:

- 01 Trưởng phòng phụ trách chung
- 01 Phó trưởng phòng kiêm Trưởng ban quản lý chợ

- 01 Phó trưởng phòng kiêm Tổ trưởng tổ cơ giới
- 02 lái xe
- 9 bảo vệ
- Tổ thi công cơ giới: 04 người (khi có công trình thi thuê thợ thời vụ)
- 01 nhân viên văn thư kiêm tạp vụ
- 03 nhân viên nghiệp vụ
- 01 Kế toán quản lý chợ

Tổng số cán bộ công nhân viên Phòng Tổ chức hành chính sau khi sắp xếp lại là: 23 người.

Số cán bộ dôi dư: 0 người

Về theo trợ cấp thôi việc, mất việc làm theo Bộ luật lao động năm 2012: 01 người

7.3. 2. Phòng Kế hoạch – Tài chính (khi chưa sắp xếp lại) : 6 người

- 01 Kế toán trưởng phụ trách chung
- 01 kế toán tổng hợp
- 01 Kế toán thuế
- 01 Kế toán thanh toán và kế toán công nợ
- 01 Kế toán XD/CB và TSCĐ
- 01 Thủ quỹ

+ Phòng kế hoạch tài chính sau khi sắp xếp lại:

- 01 Kế toán trưởng phụ trách chung
- 01 kế toán tổng hợp
- 01 Kế toán thuế
- 01 Kế toán thanh toán và kế toán công nợ
- 01 Kế toán XD/CB và TSCĐ
- 01 Thủ quỹ

Tổng số cán bộ công nhân viên phòng kế hoạch tài chính sau khi sắp xếp lại là: 6 người.

Số cán bộ dôi dư: 0 người

7.3.3 Phòng Kỹ thuật và quản lý dự án (khi chưa sắp xếp lại) : 6 người

- 01 Trưởng phòng
- 05 Nhân viên kỹ thuật

+ Phòng Kỹ thuật và quản lý dự án sau khi sắp xếp lại:

- 01 Trưởng phòng
- 05 Nhân viên kỹ thuật

Tổng số cán bộ công nhân viên phòng Kỹ thuật và quản lý dự án sau khi sắp xếp lại là: 6 người.

Số cán bộ dôi dư: 0 người

7.3.4 Chi nhánh Dịch vụ tổng hợp: (khi chưa sắp xếp lại) : 5 người

- 01 Giám đốc Chi nhánh
- 01 Kế toán Chi nhánh
- 01 Kỹ thuật hiện trường và các công tác nội nghiệp
- 01 Phụ trách kho, quỹ, quản lý vật tư vật liệu, thiết bị công trình.
- 01 Trục VP đại diện Cty tại Ban QL KKT Nghi Sơn

+ Chi nhánh Dịch vụ tổng hợp sau khi sắp xếp lại:

- 01 Giám đốc Chi nhánh
- 01 Kế toán Chi nhánh
- 01 Kỹ thuật hiện trường và các công tác nội nghiệp
- 01 Phụ trách kho, quỹ, quản lý vật tư vật liệu, thiết bị công trình.
- 01 Trục VP đại diện Cty tại Ban QL KKT Nghi Sơn

Tổng số cán bộ công nhân viên Chi nhánh Dịch vụ tổng hợp sau khi sắp xếp lại là: 5 người.

Số cán bộ dôi dư: 0 người

7.3.5 Chi nhánh xây dựng số 1: (khi chưa sắp xếp lại) : 6 người

- 01 Giám đốc Chi nhánh

- 01 Kế toán Chi nhánh
- 01 Kế hoạch thủ quỹ
- 01 Kỹ thuật thi công
- 01 Kế hoạch thủ kho
- 01 Kỹ thuật thi công

+ Chi nhánh xây dựng số 1 sau khi sắp xếp lại:

- 01 Giám đốc Chi nhánh
- 01 Kế toán Chi nhánh
- 01 Kế hoạch thủ quỹ
- 01 Kỹ thuật thi công
- 01 Kế hoạch thủ kho
- 01 Kỹ thuật thi công

Tổng số cán bộ công nhân viên Chi nhánh xây dựng số 1 sau khi sắp xếp lại là: 6 người.

Số cán bộ dôi dư: 0 người

7.3.6 Chi nhánh Môi trường: (khi chưa sắp xếp lại) : 11 người

- 01 Giám đốc Chi nhánh
- 01 Kế toán Chi nhánh
- 01 Vận hành các thiết bị điện, kiểm bảo vệ CN
- 01 Kiểm tra công tác vệ sinh môi trường, vận hành bảo dưỡng các thiết bị trong CN.
- 01 Trục VP CN, quản lý hồ sơ, văn bản đi, đến, mua sắm
- 01 Trục VP CN, quản lý hồ sơ, văn bản đi, đến, mua sắm VPP
- 01 Vận hành, bảo dưỡng các máy bơm điện, thiết bị điện.
- 01 Vận hành bảo dưỡng các máy bơm điện, thiết bị điện.
- 01 Kiểm tra công tác vệ sinh môi trường.
- 02 Nhân viên kỹ thuật

+ Chi nhánh Môi trường sau khi sắp xếp lại:

- 01 Giám đốc Chi nhánh
- 01 Kế toán Chi nhánh
- 01 Vận hành các thiết bị điện, kiêm bảo vệ CN
- 01 Kiểm tra công tác vệ sinh môi trường, vận hành bảo dưỡng các thiết bị trong CN.

- 01 Trục VP CN, quản lý hồ sơ, văn bản đi, đến, mua sắm
- 01 Trục VP CN, quản lý hồ sơ, văn bản đi, đến, mua sắm VPP
- 01 Vận hành, bảo dưỡng các máy bơm điện, thiết bị điện.
- 01 Vận hành bảo dưỡng các máy bơm điện, thiết bị điện.
- 01 Kiểm tra công tác vệ sinh môi trường.
- 02 Nhân viên kỹ thuật

Tổng số cán bộ công nhân viên Chi nhánh Môi trường sau khi sắp xếp lại là: 11 người.

Số cán bộ dôi dư: 0 người

7.3.7 Chi nhánh Dịch vụ KCN Tây Bắc Ga: (khi chưa sắp xếp lại) : 3 người

- 01 Phó Giám đốc Vũ Văn Quy kiêm Giám đốc Chi nhánh
- 01 Kế toán Chi nhánh
- 01 Quản lý dự án nhà ở công nhân

+ Chi nhánh Dịch vụ KCN Tây Bắc Ga sau khi sắp xếp lại:

- 01 Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh
- 01 Kế toán Chi nhánh
- 01 Quản lý dự án nhà ở công nhân

Tổng số cán bộ công nhân viên Chi nhánh Dịch vụ KCN Tây Bắc Ga sau khi sắp xếp lại là: 3 người.

Số cán bộ dôi dư: 0 người

7.3.8 Chi nhánh Xây lắp số 2: (khi chưa sắp xếp lại) : 2 người

- 01 Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh

- 01 Kế toán Chi nhánh

Chi nhánh Xây lắp số 2 sau khi sắp xếp lại:

- 01 Kế toán Chi nhánh

Tổng số cán bộ công nhân viên xây lắp số 2 sau khi sắp xếp lại là: 01 người.

- Số cán bộ dôi dư: 0 người.

- Về nghỉ việc theo Nghị định 108 của Chính phủ : 01 người

7.3.9 Chi nhánh Quản lý Nhà ở sinh viên: (khi chưa sắp xếp lại) : 19 người

- 01 Giám đốc Chi nhánh

- 01 Kế toán Chi nhánh

- 01 Văn thư, hành chính, lễ tân, tiếp nhận và thanh lý HĐ thuê nhà ở, theo dõi đăng ký tạm trú HSSV

- 01 Thủ quỹ, tiếp nhận và thanh lý HĐ thuê nhà ở, theo dõi HSSV chấp hành nội quy nhà ở SV

- 01 Phụ trách tổ kỹ thuật; vận hành hệ thống điện, nước; sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị điện

- 01 Phụ trách tổ quét dọn vệ sinh phía trong nhà ở 13 tầng +khuôn viên phía ngoài+chăm sóc cây xanh, bồn hoa +thu gom rác.

- 06 Bảo vệ Nhà ở sinh viên và Trụ sở Hợp khối

- 01 Phụ trách chung: Thủ kho + theo dõi quản lý công tác nhập, xuất thực phẩm+trực tiếp thu và nộp tiền bán hàng.

- 01 Phụ trách siêu thị+lên kế hoạch nhập hàng+ bán hàng thu tiền nộp quỹ

- 01 Chế biến món ăn+lên thực đơn và kế hoạch nhập thực phẩm +chia thức ăn để bán

- 01 Bán hàng siêu thị+phòng giải trí +một số công việc dịch vụ khác của chi nhánh.

- 01 Phụ trách điện và quản lý Nhà ở Hợp khối

- 02 Nhân viên làm việc tại Nhà ở sinh viên

+ Chi nhánh Quản lý Nhà ở sinh viên sau khi sắp xếp lại:

- 01 Giám đốc Chi nhánh

- 01 Kế toán Chi nhánh
- 01 Văn thư, hành chính, lễ tân, tiếp nhận và thanh lý HĐ thuê nhà ở, theo dõi đăng ký tạm trú HSSV
- 01 Thủ quỹ, tiếp nhận và thanh lý HĐ thuê nhà ở, theo dõi HSSV chấp hành nội quy nhà ở SV
- 01 Phụ trách tổ kỹ thuật; vận hành hệ thống điện, nước; sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị điện
- 01 Phụ trách tổ quét dọn vệ sinh phía trong nhà ở 13 tầng +khuôn viên phía ngoài+chăm sóc cây xanh, bồn hoa +thu gom rác.
- 05 Bảo vệ Nhà ở sinh viên và Trụ sở Hợp khối
- 01 Phụ trách chung: Thủ kho + theo dõi quản lý công tác nhập, xuất thực phẩm+trực tiếp thu và nộp tiền bán hàng.
- 01 Phụ trách siêu thị+lên kế hoạch nhập hàng+ bán hàng thu tiền nộp quỹ
- 01 Chế biến món ăn+lên thực đơn và kế hoạch nhập thực phẩm +chia thức ăn để bán
- 01 Bán hàng siêu thị+phòng giải trí +một số công việc dịch vụ khác của chi nhánh.
- 01 Phụ trách điện và quản lý Nhà ở Hợp khối
- 02 Nhân viên làm việc tại Nhà ở sinh viên

Tổng số cán bộ công nhân viên Chi nhánh Quản lý Nhà ở sinh viên sau khi sắp xếp lại là: 18 người.

Số cán bộ dôi dư: 0 người

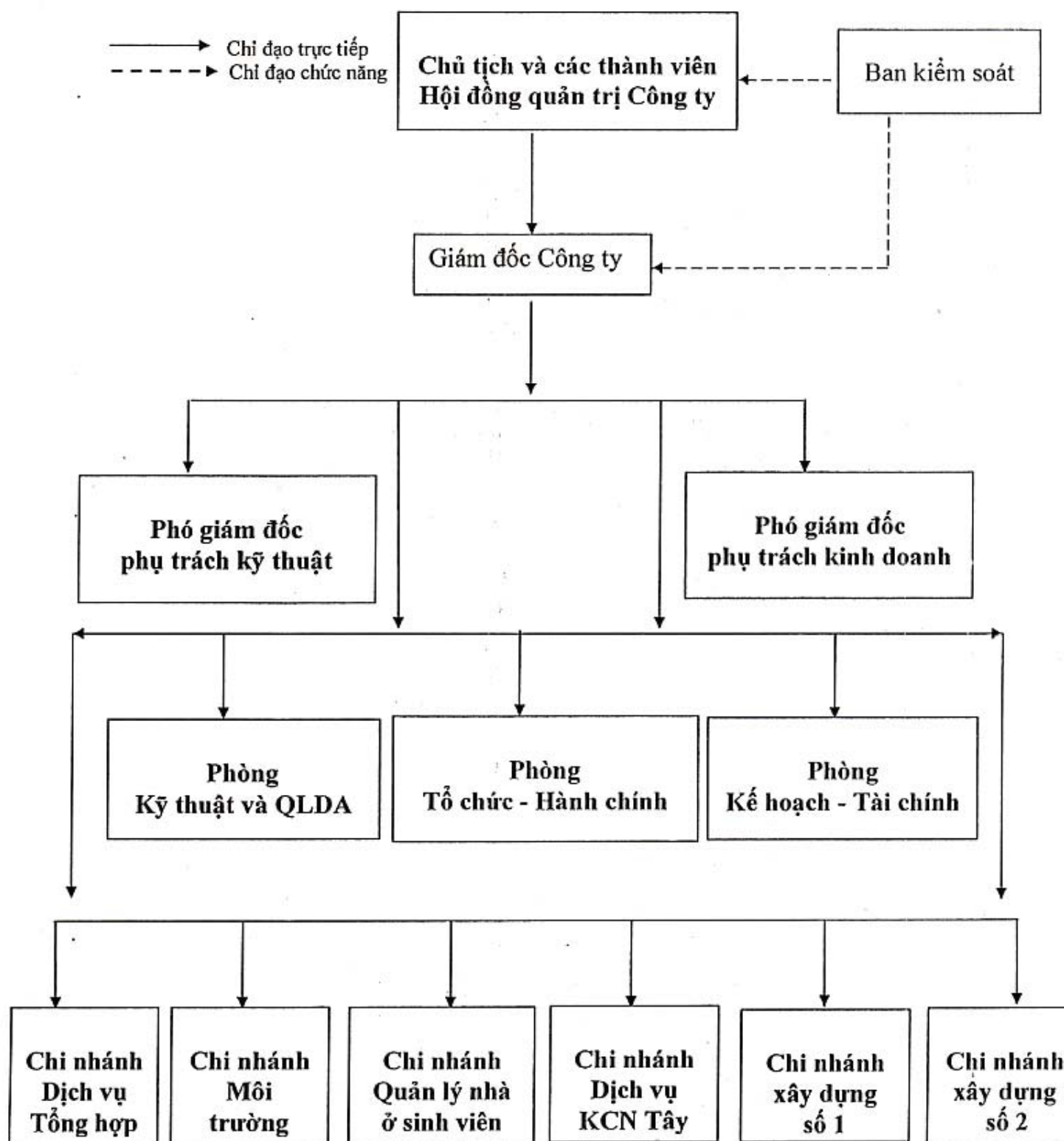
Về theo trợ cấp thôi việc, mất việc làm theo Bộ luật lao động năm 2012: 01 người

7.4 Cơ cấu Tổ chức bộ máy và lao động sau khi sắp xếp lại như sau:

+. Tổng số lao động sau khi sắp xếp lại: 80 người, Trong đó:

- . Cán bộ quản lý: 03 người
- . Cán bộ nghiệp vụ: 66 người
- . Lao động phổ thông: 11 người

7.4.1 Cơ cấu Bộ máy quản lý:



7.4.2. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ:

- + Phòng Tổ chức hành chính: 24 người
- + Phòng Kế hoạch tài chính: 6 người
- + Phòng Kỹ thuật và quản lý dự án: 6 người

7.4.3 Chi nhánh trực thuộc:

- + Chi nhánh Dịch vụ tổng hợp: 5 người
- + Chi nhánh Xây dựng số 1: 6 người
- + Chi nhánh Môi trường: 11 người
- + Chi nhánh dịch vụ KCN Tây Bắc Ga: 3 người
- + Chi nhánh Xây lắp số 2: 01 người
- + Chi nhánh Quản lý Nhà ở sinh viên: 18 người

** Bảng tổng hợp lao động Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp*

TT	Nội dung	Tổng số (người)	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	83	
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng (Chủ tịch công ty, Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, KSV không chuyên trách)	4	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	77	
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 36 tháng	02	
4	Lao động làm việc theo mùa vụ, hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng.	0	
II	Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố GTDN		
1	Lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0	
a	Theo Nghị định 152/2006/NĐ-CP	0	
b	Theo Nghị định 63/2010/NĐ-CP	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động, chia ra:	0	
a	Hết hạn hợp đồng		
b	Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	02	
c	Lý do theo qui định của pháp luật		
3	Lao động chờ nghỉ việc theo quyết định của Giám đốc		
4	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố GTDN, chia ra:		
a	Số lao động thực hiện theo Nghị định 63/2010/NĐ-CP		
b	Số lao động thực hiện theo Bộ luật lao động		

III	Số lao động còn hạn HĐLĐ sẽ chuyển sang làm việc tại công ty CP	80	
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn		
2	Số lao động nghỉ theo ba chế độ BHXH, chia ra:	7	
<i>a</i>	<i>ốm đau</i>		
<i>b</i>	<i>Thai sản</i>	7	
<i>c</i>	<i>Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp</i>		
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động, chia ra:		
<i>a</i>	<i>Đang thực hiện nghĩa vụ quân sự</i>		
<i>b</i>	<i>Đang thực hiện nghĩa vụ công dân khác</i>		
<i>c</i>	<i>Đang bị tạm giam, tạm giữ</i>		
<i>d</i>	<i>Do hai bên thoả thuận (không quá 03 tháng)</i>		

8 .Phương án sử dụng đất

Phương án sử dụng đất của Công ty đã được UBND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số: 8914/ UBND-KTTC ngày 01 tháng 9 năm 2015 cụ thể như sau:

Tổng diện tích là: **1.091.409,6 m²** Bao gồm:

- Khu công nghiệp Lễ Môn: 754.350 m²,
- Nhà ở công nhân tại KCN Lễ Môn: 29.977,6 m²
- Đất xây dựng Trụ sở Công ty tại Khu kinh tế Nghi Sơn, Xuân Lâm, Tỉnh Gia: 1.600 m².
- Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp: 2.940 m² .
- Dự án mở rộng Nhà máy Sakurai Giai đoạn 2, KCN Lễ Môn, phường Quảng Hưng Thành phố Thanh Hóa: 85.038 m² .
- Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng cho Công ty TNHH Giấy ANNORA Việt Nam thuê lại trong Khu kinh tế Nghi Sơn , xã Xuân Lâm, xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia Tỉnh Thanh Hóa: 217.504 m².
- Riêng Khu Nhà ở sinh viên (DT 9.830 m²) sẽ bàn giao cho Trường Đại học Hồng Đức quản lý theo Thông báo số: 135/TB – UBND ngày 11/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

9. Chính sách đối với người lao động

Các chính sách về lao động của Công ty trong giai đoạn 2016- 2020 có những điểm chính sau:

- Đối với lao động chuyển sang làm việc công ty cổ phần, Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động và các chính sách của Công ty.

+ Việc trả lương thực hiện theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc.

+ Thực hiện BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách Nhà nước.

+ Về tiền thưởng: theo quy định của nhà nước và quy chế của Công ty.

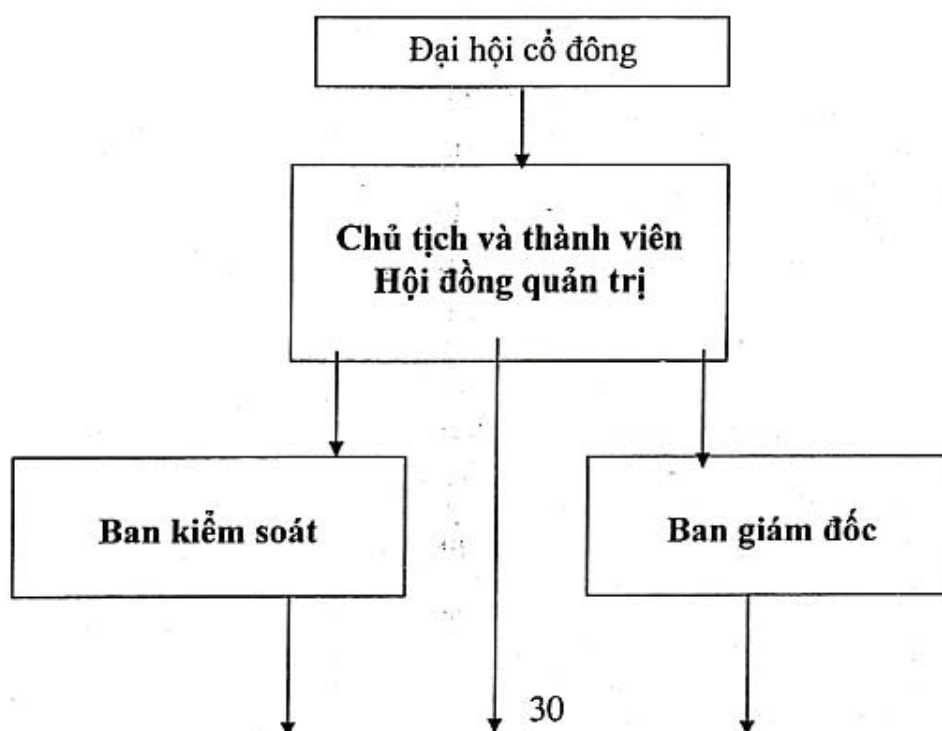
+ Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc theo đúng quy định hiện hành.

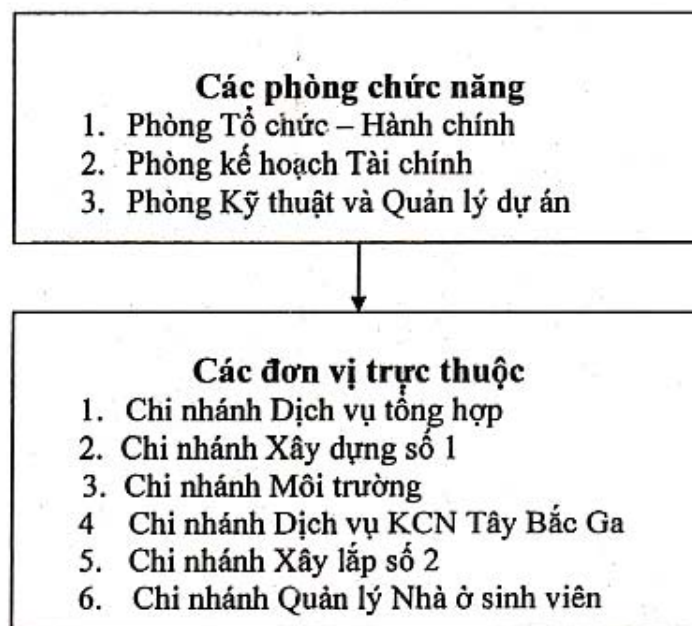
+ Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ công nhân viên.

- Đối với lao động thuộc lao động dôi dư mọi chính sách thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ và quy định của công ty.

10. Tổ chức bộ máy sau cổ phần hóa

10.1 Sơ đồ tổ chức: (Xem trang sau)





Phấn đấu các chỉ tiêu cơ bản có mức tăng trưởng hàng năm từ 5% trở lên.

10.2 - Những giải pháp chủ yếu

a - Về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ:

Sắp xếp, cơ cấu lại bộ máy, cán bộ các phòng công ty đến các Chi nhánh, thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và luân chuyển cán bộ theo nguyên tắc căn cứ yêu cầu công việc để bố trí cán bộ; tăng cường cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn, có năng lực thực tiễn vào bộ máy cán bộ lãnh đạo chủ chốt, thay thế cán bộ không đáp ứng yêu cầu, tạo nên bộ máy gọn nhẹ, điều hành hiệu quả.

b - Về lao động :

- Tiếp nhận số lao động từ công ty nhà nước chuyển sang, trên cơ sở đó rà soát, sắp xếp lại lao động ở tất cả các khâu từ Văn phòng công ty đến các Chi nhánh. Thực hiện định mức lao động cho từng đơn vị, từng phòng, từng bộ phận theo yêu cầu thực tế của công việc; phân công, bố trí sắp xếp lao động theo trình độ chuyên môn phù hợp với từng công việc và năng lực sở trường của từng người nhằm sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động; Tuyển dụng lao động mới có trình độ chuyên môn để bổ sung thay thế số lao động xin nghỉ chế độ, kết hợp với công tác đào tạo để phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng lao động nói chung và đội ngũ cán bộ lãnh đạo nói riêng.

c - Về kinh doanh:

- Đẩy mạnh kinh doanh phát huy sở trường và kinh nghiệm trong những lĩnh vực sản xuất kinh doanh hiện nay như công tác đấu thầu các công trình, đồng thời mở rộng

sản xuất kinh doanh mới đa dạng loại hình kinh doanh dịch vụ tăng doanh thu và thu nhập phục vụ phát triển sản xuất.

- Đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư mở rộng kinh doanh loại hình dịch vụ: ăn uống, giải khát phục vụ cho nhu cầu Nhà ở sinh viên, Nhà ở công nhân, khu Trụ sở Hợp khối và nhu cầu phát triển của xã hội.

d - Về thị trường và mạng lưới kinh doanh.

e - Về vốn và cơ chế quản lý tài chính:

* Về vốn :

- Đổi mới nhận thức về nguồn trong công tác quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích tiền vốn.

+ Đối với các khoản nợ phải thu: Tiếp tục triển khai các biện pháp thu hồi các khoản nợ phải thu của Doanh nghiệp chuyển đổi (trừ những khoản nợ kéo dài mà người nợ không còn khả năng thanh toán) và thu hồi các khoản nợ khi đến hạn. Xử lý công nợ khó thu theo cơ chế dự phòng của doanh nghiệp .

- Về cơ chế quản lý tài chính :

+ Xây dựng, ban hành qui chế quản lý tài chính nội bộ .

+ Ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật, chi phí...trong phạm vi nội bộ Công ty trên nguyên tắc thực hiện công khai, minh bạch theo qui định của Nhà nước nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh; Thực hiện phân cấp, giao quyền mở rộng quyền tự chủ cho các Chi nhánh theo nguyên tắc tự hạch toán, bảo đảm bù đắp chi phí và có lãi, gắn trách nhiệm cho từng chức danh đối với công việc.

g - Về chính sách đối với người lao động

* Về tiền lương: Để khuyến khích người lao động tích cực làm việc, tăng năng suất lao động, nâng cao thu nhập, Công ty thực hiện việc định mức lao động và trả lương cho người lao động theo từng chức danh, công việc trên cơ sở hiệu suất công tác và năng suất lao động gắn với hiệu quả kinh doanh và kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch của từng đơn vị.

h - Về công tác Đảng và các đoàn thể.

Duy trì cơ cấu tổ chức và hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng và các tổ chức đoàn thể ở Văn phòng công ty và các Chi nhánh như hiện nay. Tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở từng đơn vị, phát huy vai trò phối hợp, tham gia quản lý của các tổ chức đoàn thể quần chúng trên cơ sở qui định của pháp luật và Điều lệ của mỗi tổ chức.

10.3 - Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu 05 năm sau cổ phần hoá

ĐVT : triệu Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch				
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020

1	2	3	4	5	6	7
1	Vốn điều lệ	27.134	27.134	27.134	27.134	27.134
2	Tổng số lao động	81	75	75	75	75
3	Tổng quỹ lương	4.800	4.800	5.184	5.702	6.272
4	Thu nhập BQ 1 người/tháng	5,926	6,4	6,912	7,1	7,3
5	Tổng doanh thu. Trong đó: doanh thu nội bộ	57.560	66.194	76.123	83.735	92.108
6	Tổng chi phí	55.833	64.208	73.839	81.222	89.345
7	Lợi nhuận sau thuế	1.381	1.548	1.781	1.959	2.155
	Quỹ đầu tư phát triển (30%)	414	464	534	587	646
	Quỹ K.Thưởng, phúc lợi (5%)	69	77	89	97	107
8	Cổ tức					
	Tỉ lệ cổ tức					

TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

I – TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi phương án cổ phần hóa của công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt và có Quyết định chuyển đổi thành công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Hóa . Công ty triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

- Tổ chức bán cổ phần cho người lao động trong DN: Từ ngày 25/12 đến ngày 05/01/2016;
- Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo CPH: Từ ngày 05/01/2016 đến ngày 15/01/2016;
- Tổ chức Đại Hội đồng cổ đông lần đầu: Từ ngày 02/02/2016 đến ngày 07/02/2016;

- Tổ chức Đại Hội đồng cổ đông lần đầu: Từ ngày 02/02/2016 đến ngày 07/02/2016;

- Tổ chức quyết toán tài chính đến thời điểm chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 15/3 đến ngày 20/3/2016;

- Tổ chức bàn giao vốn cho công ty cổ phần từ ngày 30/3 đến ngày 4/4/2016.

VII. KẾT LUẬN

Việc cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa là cần thiết nhằm chuyển đổi hình thức hoạt động của Công ty cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian sắp tới.

Kính trình UBND tỉnh Thanh Hóa xem xét và quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa tiến hành các thủ tục chuyển đổi trong thời gian sớm nhất../.

TRƯỞNG BCĐ CỔ PHẦN HOÁ

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC CÔNG TY

NGUYỄN ANH TUẤN



HƯA DUY SÁCH

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Về việc thẩm định Phương án sử dụng lao động Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thanh Hoá

Thực hiện Quyết định số 3825/QĐ- UBND ngày 06/11/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tiến hành cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 4702/QĐ- UBND ngày 13/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Hôm nay, ngày 16 tháng 11 năm 2015 tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thanh Hoá.

Chúng tôi gồm:

I- Sở Lao động- Thương binh và Xã hội Thanh Hoá:

1. Bà Trịnh Thị Minh Hương - Trưởng phòng Lao động-TL- BHXH
2. Ông: Trần Viết Ty - Phó Trưởng phòng Lao động- TL- BHXH
3. Bà: Lê Thị Thanh Loan - Chuyên viên phòng Lao động- TL- BHXH
4. Bà Mai Thị Dung - Chuyên viên phòng Lao động- TL- BHXH

II- Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thanh Hoá:

1. Ông: Hứa Duy Sách - Giám đốc
2. Ông: Lê Sỹ Tường - TP Tổ chức- Hành chính.

Tiến hành thẩm định Phương án giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư của Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thanh Hoá.

Kết quả kiểm tra thẩm định như sau:

1/ Tổng số lao động đóng Bảo hiểm xã hội tại thời điểm phê duyệt giá trị doanh nghiệp của công ty (13/11/2015): Có 83 người.

2/ Về hồ sơ gốc của người lao động: Công ty đã cung cấp Hồ sơ gốc của người lao động đến thời điểm 16/11/2015 là 83 lao động (trong đó có 03 hồ sơ lao động dôi dư).

3/ Số lao động cần sử dụng khi sang công ty cổ phần: Công ty xác định là 80 người.

4/ Số lao động không có nhu cầu sử dụng là: 3 người.

5/ Biện pháp của công ty giải quyết số lao động không cần sử dụng như sau:

- Những người đủ điều kiện theo quy định của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015, công ty đề nghị giải quyết theo chính sách đối với lao động dôi dư là: 0 người.



- Những người đủ điều kiện theo quy định của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, công ty đề nghị giải quyết theo chính sách đối với lao động dôi dư là: 01 người.

- Những người đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật Lao động, công ty đề nghị giải quyết theo chính sách đối với lao động bị mất việc làm: 02 người.

- Những người đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, công ty đề nghị giải quyết chế độ hưu trí theo quy định: 0 người.

6/ Công ty lập phương án sử dụng lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp như sau:

- Tổng số lao động tại thời điểm 13/11/2015: 83

- Tổng số lao động sẽ chuyển sang làm việc ở Công ty cổ phần: 80 người

- Chốt danh sách lao động dôi dư: 3 người

7/ Ý kiến của Sở Lao động- TBXH:

- Thời gian công tác tại khu vực Nhà nước của 83 lao động cố mặt tại công ty đúng trong hồ sơ gốc.

- Đối với những lao động không có nhu cầu sử dụng đề nghị Công ty tiếp tục hoàn chỉnh Phương án giải quyết lao động dôi dư theo đúng quy định của Pháp luật để Báo cáo UBND tỉnh phê duyệt, đảm bảo thời gian quy định.

8/ Đề nghị của công ty đối với các cấp, các ngành:

- Đề nghị các cấp, các ngành có liên quan tiếp tục hướng dẫn công ty hoàn chỉnh Phương án giải quyết lao động dôi dư để trình UBND tỉnh phê duyệt.

Biên bản đã được các thành viên thông qua và hoàn toàn nhất trí.

Biên bản này được lập thành 07 bản có giá trị như nhau và được gửi đến các cơ quan có liên quan.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC

Hứa Duy Sách

ĐẠI DIỆN SỞ LAO ĐỘNG-TBXH

Trịnh Thị Minh Hương

UBND TỈNH THANH HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THANH HÓA

DANH SÁCH CBCNV ĐƯỢC MUA CỔ PHẦN BÁN THEO GIÁ ƯU ĐÃI

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức vụ	Số năm công tác ở khu vực Nhà nước	Số cổ phần ưu đãi	Ghi chú
1	Hứa Duy Sách	25/07/1964	Nam	Chủ tịch kiêm Giám đốc	28	2.800	
2	Lê Công Hiệp	1/10/1959	Nam	Phó Giám đốc	35	3.500	
3	Vũ Văn Quy	10/1/1968	Nam	Phó Giám đốc	20	2.000	
4	Hà Thị Thu	17/10/1975	Nữ	Kế toán trưởng	5	500	
5	Lê Sỹ Tường	5/8/1963	Nam	Trưởng phòng TCHC	30	3.000	
6	Lê Trung Thi	7/7/1956	Nam	Phó trưởng phòng TCHC	41	4.100	
7	Lê Huy Đạt	20/9/1982	Nam	Phó trưởng phòng TCHC	13	1.300	
8	Nguyễn Thế Khoa	28/11/1977	Nam	Nhân viên phòng TCHC	13	1.300	
9	Mai Thị Tuyết	1/1/1980	Nữ	Văn thư	16	1.600	
10	Nguyễn Ngọc Tuấn	6/10/1980	Nam	Lái xe	7	700	
11	Hứa Xuân Hà	18/4/1987	Nam	Lái xe	5	500	
12	Đinh Thị Hoa	23/7/1980	Nữ	Nhân viên phòng TCHC	11	1.100	
13	Bùi Ái Ly	24/3/1991	Nữ	Kế toán BQL Chợ tạm KCN	1	100	
14	Lê Văn Sơn	2/3/1986	Nam	Nhân viên phòng TCHC	6	600	
15	Hoàng Ngọc Hùng	20/4/1960	Nam	Tổ trưởng tổ bảo vệ KCN	5	500	
16	Nguyễn Thế Hưng	8/8/1960	Nam	Bảo vệ KCN	34	3.400	
17	Nguyễn Trọng Hưng	30/8/1990	Nam	Bảo vệ KCN	3	300	
18	Hoàng Văn Hoàn	24/4/1989	Nam	Bảo vệ KCN	5	500	
19	Lê Trọng Huê	26/03/1988	Nam	Bảo vệ KCN	5	500	
20	Lê Văn Dương	7/2/1979	Nam	Bảo vệ KCN	3	300	
21	Nguyễn Văn Tuấn	20/10/1987	Nam	Bảo vệ KCN	2	200	
22	Nguyễn Tiến Tài	8/10/1982	Nam	Bảo vệ KCN	2	200	

23	Hoàng Văn Tiếp	9/10/1986	Nam	Bảo vệ KCN	2	200	
24	Nguyễn Tiến Đạt	30/10/1964	Nam	Bảo vệ KCN	2	200	
25	Nguyễn Xuân Dương	2/9/1982	Nam	Nhân viên Lái máy	6	600	
26	Hồ Văn Quý	15/1/1983	nam	Nhân viên Lái máy	4	400	
27	Hứa Xuân Thường	8/3/1992	Nam	Nhân viên Lái máy	4	400	
28	Hà Phong Nhã	8/4/1986	Nam	Nhân viên Lái máy	5	500	
29	Lê Thị Hồng	18/02/1989	Nữ	Kế toán phòng KHTC	3	300	
30	Nguyễn Thị Hương	14/2/1981	Nữ	Kế toán phòng KHTC	4	400	
31	Đặng Thị Phương	21/3/1988	Nữ	Kế toán phòng KHTC	2	200	
32	Trần Thị Dung	19/5/1989	Nữ	Kế toán phòng KHTC	2	200	
33	Lê Thị Hồng Nhung	7/10/1986	Nữ	Thủ quỹ	6	600	
34	Lê Ngọc Thái	13/10/1979	Nam	Trưởng phòng KT & QLDA	12	1.200	
35	Lê Trọng Lương	11/7/1982	Nam	Nhân viên phòng KT&QLDA	7	700	
36	Lê Công Hưng	24/12/1984	Nam	Nhân viên phòng KT&QLDA	4	400	
37	Võ Ngọc Sơn	15/02/1981	Nam	Nhân viên phòng KT&QLDA	11	1.100	
38	Trịnh Văn Hồng	02/9/1976	Nam	Nhân viên phòng KT&QLDA	19	1.900	
39	Lê Hữu Nam	18/2/1988	Nam	Nhân viên phòng KT&QLDA	1	100	
40	Lê Hồng Thông	15/7/1962	Nam	GD CN XD số 1	33	3.300	
41	Nguyễn Văn Quỳnh	2/5/1986	Nam	NV CNXD số 1	6	600	
42	Lê Ngọc Thanh	1/7/1977	Nam	Kế toán CNXD số 1	16	1.600	
43	Phạm Văn Luật	29/6/1986	Nam	NV CNXD số 1	6	600	
44	Lê Đình Đoàn	8/7/1983	Nam	NV CNXD số 1	6	600	
45	Viên Đình Huân	7/5/1989	Nam	NV CNXD số 1	3	300	
46	Trần Ngọc Dũng	6/8/1970	Nam	GD CN Dịch vụ tổng hợp	23	2.300	
47	Lê Văn Bình	26/1/1982	Nam	Nhân viên CN	4	400	
48	Cao Thị Ngọc Hà	20/6/1987	Nữ	Nhân viên CN	5	500	
49	Lê Văn Hoàn	9/5/1988	Nam	Nhân viên CN	4	400	

50	Đào Thị Hiền	20/10/1985	Nữ	Nhân viên CN	7	700	
51	Lê Văn Điều	18/08/1974	Nam	GD CN Môi trường	24	2.400	
52	Lê Thị Hương	11/10/1991	Nữ	Kế toán CNMT	2	200	
53	Hàn Thị Phúc	20/01/1990	Nữ	Nhân viên CNMT	2	200	
54	Lữ Thị Nga	25/7/1987	Nữ	Nhân viên CNMT	4	400	
55	Đỗ Hữu Xuân	14/4/1960	Nam	Nhân viên CNMT	32	3.200	
56	Võ Duy Nam	20/6/1982	Nam	Nhân viên CNMT	2	200	
57	Lê Duy Hải	24/11/1987	Nam	Nhân viên CNMT	6	600	
58	Lê Hồng Sơn	3/4/1967	Nam	Nhân viên CNMT	3	300	
59	Hoàng Văn Công	5/5/1982	Nam	Nhân viên CNMT	7	700	
60	Nguyễn Ngọc Thành	30/11/1970	Nam	Nhân viên CNMT	6	600	
61	Nguyễn Thị Thảo	2/8/1991	Nữ	Nhân viên CNMT	2	200	
62	Vũ Hồng Sơn	2/3/1979	Nam	GD CNQL Nhà ở SV	17	1.700	
63	Trần Thị Thu Thủy	26/10/1986	Nữ	Nhân viên CN	1	100	
64	Hứa Thị Ngọc	9/5/1988	Nữ	Văn thư CN	3	300	
65	Mai Thị Lệ Thu	28/12/1988	Nữ	Kế toán CN	2	200	
66	Hoàng Thị Hưng	14/04/1988	Nữ	Thủ quỹ CN	3	300	
67	Cù Minh Đức	26/12/1989	Nam	Nhân viên CN	3	300	
68	Vũ Thị Thúy	19/07/1970	Nữ	Nhân viên CN	3	300	
69	Trịnh Văn Thắng	4/9/1980	Nam	Nhân viên CN	12	1.200	
70	Lê Huy Phương	10/10/1974	Nam	Bảo vệ CN	3	300	
71	Trần Văn Cường	26/11/1969	Nam	Bảo vệ CN	3	300	
72	Lê Thị Gái	25/12/1977	Nữ	NV Môi trường	4	400	
73	Lê Xuân Trường	26/01/1981	Nam	Bảo vệ CN	7	700	
74	Nguyễn Thị Huyền	16/6/1990	Nữ	Nhân viên CN	3	300	
75	Nguyễn Thị Diệu	24/4/1987	Nữ	Nhân viên CN	2	200	
76	Phạm Thị Tuyết	20/9/1985	Nữ	Nhân viên CN	2	200	

77	Nguyễn Hữu Đắc	20/3/1969	Nam	Bảo vệ CN	11	1.100	
78	Nguyễn Văn Lâm	15/04/1982	Nam	Bảo vệ CN	6	600	
79	Nguyễn Châu Tuấn	19/6/1974	Nam	Nhân viên CN	5	500	
80	Lê Công Hiến	27/01/1988	Nam	Nhân viên CN	2	200	
81	Lê Thị Ánh Ngọc	5/5/1988	Nữ	KT CN Dịch vụ Tây Bắc Ga	3	300	
82	Trịnh Chí Hùng	18/07/1971	Nam	NV CN Dịch vụ Tây Bắc Ga	3	300	
83	Lê Thị Vân Anh	17/4/1990	Nữ	Kế toán CN Xây lập số 2	3	300	
Cộng						68.800	



Hứa Duy Sách

Ngày 16 tháng 11 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Sỹ Tường

UBND TỈNH THANH HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THANH HÓA

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG MUA THÊM CỔ PHẦN
Theo Quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011 /NĐ - CP

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức vụ	Số Cổ phần mua thêm	Ghi chú
	Cán bộ quản lý					
1	Hứa Duy Sách	25/07/1964	Nam	Chủ tịch kiêm Giám đốc	5.000	
2	Vũ Văn Quy	10/1/1968	Nam	Phó Giám đốc	5.000	
3	Hà Thị Thu	17/10/1975	Nữ	Kế toán trưởng	5.000	
4	Lê Sỹ Tường	5/8/1963	Nam	Trưởng phòng TCHC	5.000	
5	Lê Trung Thi	7/7/1956	Nam	Phó trưởng phòng TCHC	2.000	
6	Lê Huy Đạt	20/9/1982	Nam	Phó trưởng phòng TCHC	2.000	
7	Nguyễn Thế Khoa	28/11/1977	Nam	Nhân viên phòng TCHC	2.000	
8	Mai Thị Tuyết	1/1/1980	Nữ	Văn thư	2.000	
9	Nguyễn Ngọc Tuấn	6/10/1980	Nam	Lái xe	2.000	
10	Hứa Xuân Hà	18/4/1987	Nam	Lái xe	2.000	
11	Đinh Thị Hoa	23/7/1980	Nữ	Nhân viên phòng TCHC	2.000	
12	Bùi Ái Ly	24/3/1991	Nữ	Kế toán BQL Chợ tạm KCN	2.000	
13	Lê Văn Sơn	3/2/1986	Nam	Nhân viên phòng TCHC	2.000	
14	Nguyễn Trọng Hưng	30/8/1990	Nam	Bảo vệ KCN	2.000	
15	Hoàng Văn Hoàn	24/4/1989	Nam	Bảo vệ KCN	2.000	
16	Lê Trọng Huệ	26/03/1988	Nam	Bảo vệ KCN	2.000	
17	Lê Văn Dương	7/2/1979	Nam	Bảo vệ KCN	2.000	
18	Nguyễn Văn Tuấn	20/10/1987	Nam	Bảo vệ KCN	2.000	

19	Nguyễn Tiến Tài	8/10/1982	Nam	Bảo vệ KCN	2.000	
20	Hoàng Văn Tiếp	9/10/1986	Nam	Bảo vệ KCN	2.000	
21	Nguyễn Xuân Dương	2/9/1982	Nam	Nhân viên Lái máy	2.000	
22	Hồ Văn Quý	15/1/1983	Nam	Nhân viên Lái máy	2.000	
23	Hứa Xuân Thường	8/3/1992	Nam	Nhân viên Lái máy	2.000	
24	Hà Phong Nhã	8/4/1986	Nam	Nhân viên Lái máy	2.000	
25	Lê Thị Hồng	18/02/1989	Nữ	Kế toán phòng KHTC	2.000	
26	Nguyễn Thị Hương	14/2/1981	Nữ	Kế toán phòng KHTC	2.000	
27	Đặng Thị Phương	21/3/1988	Nữ	Kế toán phòng KHTC	2.000	
28	Trần Thị Dung	19/5/1989	Nữ	Kế toán phòng KHTC	2.000	
29	Lê Thị Hồng Nhung	7/10/1986	Nữ	Thủ quỹ	2.000	
30	Lê Ngọc Thái	13/10/1979	Nam	Trưởng phòng KT & QLDA	5.000	
31	Lê Trọng Lương	11/7/1982	Nam	Nhân viên phòng KT&QLDA	5.000	
32	Lê Công Hưng	24/12/1984	Nam	Nhân viên phòng KT&QLDA	2.000	
33	Võ Ngọc Sơn	15/02/1981	Nam	Nhân viên phòng KT&QLDA	2.000	
34	Trịnh Văn Hồng	02/9/1976	Nam	Nhân viên phòng KT&QLDA	5.000	
35	Lê Hữu Nam	18/2/1988	Nam	Nhân viên phòng KT&QLDA	2.000	
36	Lê Hồng Thống	15/7/1962	Nam	GD CN XD số 1	5.000	
37	Nguyễn Văn Quỳnh	2/5/1986	Nam	NV CNXD số 1	2.000	
38	Lê Ngọc Thanh	1/7/1977	Nam	Kế toán CNXD số 1	2.000	
39	Phạm Văn Luật	29/6/1986	Nam	NV CNXD số 1	2.000	
40	Lê Đình Đoàn	8/7/1983	Nam	NV CNXD số 1	2.000	

41	Viên Đình Huân	7/5/1989	Nam	NV CNXD số 1	2.000	
42	Trần Ngọc Dũng	6/8/1970	Nam	GD CN Dịch vụ tổng hợp	5.000	
43	Lê Văn Bình	26/1/1982	Nam	Nhân viên CN	2.000	
44	Cao Thị Ngọc Hà	20/6/1987	Nữ	Nhân viên CN	2.000	
45	Lê Văn Hoàn	9/5/1988	Nam	Nhân viên CN	2.000	
46	Đào Thị Hiền	20/10/1985	Nữ	Nhân viên CN	2.000	
47	Lê Văn Điều	18/08/1974	Nam	GD CN Môi trường	5.000	
48	Lê Thị Hương	11/10/1991	Nữ	Kế toán CNMT	2.000	
49	Hàn Thị Phúc	20/01/1990	Nữ	Nhân viên CNMT	2.000	
50	Lữ Thị Nga	25/7/1987	Nữ	Nhân viên CNMT	2.000	
51	Đỗ Hữu Xuân	14/4/1960	Nam	Nhân viên CNMT	2.000	
52	Võ Duy Nam	20/6/1982	Nam	Nhân viên CNMT	2.000	
53	Lê Duy Hải	24/11/1987	Nam	Nhân viên CNMT	2.000	
54	Lê Hồng Sơn	3/4/1967	Nam	Nhân viên CNMT	2.000	
55	Hoàng Văn Công	5/5/1982	Nam	Nhân viên CNMT	2.000	
56	Nguyễn Ngọc Thành	30/11/1970	Nam	Nhân viên CNMT	2.000	
57	Nguyễn Thị Thảo	2/8/1991	Nữ	Nhân viên CNMT	2.000	
58	Vũ Hồng Sơn	2/3/1979	Nam	GD CNQL Nhà ở SV	5.000	
59	Trần Thị Thu Thủy	26/10/1986	Nữ	Nhân viên CN	2.000	
60	Hứa Thị Ngọc	9/5/1988	Nữ	Văn thư CN	2.000	
61	Mai Thị Lệ Thu	28/12/1988	Nữ	Kế toán CN	2.000	
62	Hoàng Thị Hưng	14/04/1988	Nữ	Thủ quỹ CN	2.000	
63	Cù Minh Đức	26/12/1989	Nam	Nhân viên CN	2.000	
64	Vũ Thị Thúy	19/07/1970	Nữ	Nhân viên CN	2.000	
65	Trịnh Văn Thắng	4/9/1980	Nam	Nhân viên CN	2.000	
66	Trần Văn Cường	26/11/1969	Nam	Bảo vệ CN	2.000	
67	Lê Thị Gái	25/12/1977	Nữ	NV Môi trường	2.000	

68	Lê Xuân Trường	26/01/1981	Nam	Bảo vệ CN	2.000	
69	Nguyễn Thị Huyền	16/6/1990	Nữ	Nhân viên CN	2.000	
70	Nguyễn Thị Diệu	24/4/1987	Nữ	Nhân viên CN	2.000	
71	Phạm Thị Tuyết	20/9/1985	Nữ	Nhân viên CN	2.000	
72	Nguyễn Hữu Đắc	20/3/1969	Nam	Bảo vệ CN	2.000	
73	Nguyễn Văn Lâm	15/04/1982	Nam	Bảo vệ CN	2.000	
74	Nguyễn Châu Tuấn	19/6/1974	Nam	Nhân viên CN	2.000	
75	Lê Công Hiền	27/01/1988	Nam	Nhân viên CN	2.000	
76	Lê Thị Ánh Ngọc	5/5/1988	Nữ	Kế toán CN Dịch vụ KCN Tây Bắc Ga	2.000	
77	Trịnh Chí Hùng	18/07/1971	Nam	Nhân viên CN Dịch vụ KCN Tây Bắc Ga	2.000	
78	Lê Thị Vân Anh	17/4/1990	Nữ	Kế toán CN Xây lắp số 2	2.000	
	Tổng cộng				189.000	



GIÁM ĐỐC

Hứa Duy Sách

Ngày 16 tháng 11 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Sỹ Tường

UBND TỈNH THANH HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 1

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

DANH SÁCH LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Số TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào Doanh nghiệp	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay, điện thoại liên hệ (nếu có)
		Nam	Nữ						
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hứa Duy Sách	25/7/1964		Chủ tịch kiêm Giám đốc	Đại học Nông nghiệp	K	26/4/2001	28	SN 01/18 Nguyễn Trinh Tiếp phường Ba Đình Thành phố Thanh Hóa
2	Lê Công Hiệp	10/01/1959		Phó Giám đốc	Đại học xây dựng	K	10/1979	35	SN 462 Quang Trung I, phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa
3	Vũ Văn Quy	01/10/1968		Phó giám đốc	Đại học xây dựng	K	01/02/2009	20	SN 18/01 Trần Quốc Toàn phường Điện Biên TP TH
4	Hà Thị Thu		17/10/1975	Kế toán trưởng	Đại học thương mại	K	9/2010	5	Phường Lam Sơn thị xã Bỉm Sơn tỉnh Thanh Hóa

5	Lê Sỹ Tường	8/5/1963		Trưởng phòng TCHC	Đại học thương mại	A	8/1985	30	SN 48 Ngõ 01 Nguyễn Thị Định phường Quảng Hưng TP Thanh Hóa
6	Lê Trung Thi	01/7/1956		Phó phòng TCHC kiêm Tổ trưởng tổ cơ giới	Đại học Chính trị	A	7/1974	41	SN 11, Ngõ 23 Phan Bội Châu phường Ba Đình TP Thanh Hóa
7	Lê Huy Đạt	20/9/1982		Phó phòng TCHC kiêm Ban quản lý chợ	Cử nhân kế toán	A	10/2002	13	Xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa
8	Nguyễn Thế Khoa	28/11/1977		Nhân viên hành chính	Đại học luật	A	01/6/2002	13	SN 12/140 Lê Lai Phố Bảo Ngoại, Phường Đông Hương TP Thanh Hóa
9	Mai Thị Tuyết		01/01/1980	Văn thư	Trung cấp kế toán	A	01/1999	16	SN 14B Ngõ Nam, phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa
10	Nguyễn Ngọc Tuấn	10/6/1980		Lái xe	12/12	A	01/01/2008	7	Xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa
11	Hứa Xuân Hà	18/4/1987		Lái xe	12/12	A	01/02/2010	5	Xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa
12	Đinh Thị Hoa		23/7/1980	Nhân viên kế toán	Trung cấp kế toán	A	01/01/2004	11	SN 06 Tịch Điền, phường Ba Đình TP Thanh Hóa
13	Bùi Ái Ly		24/3/1991	Kế toán Ban quản lý chợ	Cử nhân kế toán	A	01/12/2013	1	Số nhà 04/1 Phố Đức Chính, phường Ba Đình, TP Thanh Hóa
14	Lê Văn Sơn	3/2/1986		Nhân viên hành chính	Đại học Quản trị kinh doanh	A	01/12/2009	5	Xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
15	Hoàng Ngọc Hùng	20/4/1960		Tổ trưởng Tổ bảo vệ	12/12	B		1	Thôn 5 phường Quảng Hưng, TP Thanh Hóa

16	Nguyễn Thế Hưng	8/8/1960			Nhân viên Bảo vệ	12/12	A	8/1981	32	Phường Đông Vệ Thành phố Thanh Hóa
17	Nguyễn Trọng Hưng	30/8/1990			Nhân viên Bảo vệ	Trung cấp cơ khí	A	01/02/2012	3	Xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
18	Hoàng Văn Hoàn	24/4/1989			Nhân viên Bảo vệ	12/12	A	01/9/2010	5	Thôn 5 phường Quảng Hưng, TP Thanh Hóa
19	Lê Trọng Huệ	26/3/1988			Nhân viên Bảo vệ	12/12	A	01/5/2010	5	Xã Hoàng Hải, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
20	Lê Văn Dương	2/7/1979			Nhân viên Bảo vệ	Trung cấp nghề TM	A	25/9/2012	6	Xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
21	Nguyễn Văn Tuấn	20/10/1987			Nhân viên Bảo vệ	12/12	A	31/8/2013	2	phường Quảng Hưng, TP Thanh Hóa
22	Nguyễn Tiến Tài	10/8/1982			Nhân viên Bảo vệ	12/12	A	31/8/2013	2	Xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
23	Hoàng Văn Tiếp	10/9/1986			Nhân viên Bảo vệ	12/12	A	31/8/2013	2	phường Quảng Hưng, TP Thanh Hóa
24	Nguyễn Tiến Đạt	30/10/1964			Nhân viên Bảo vệ	12/12	B	01/8/2013	1	xã Hoàng Quý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
25	Nguyễn Xuân Dương	9/2/1982			Công nhân lái máy	Trung cấp nghề	A	01/7/2009	6	Phường Tân Sơn, TP Thanh Hóa
26	Hồ Văn Quý	15/1/1983			Công nhân lái máy	Trung cấp nghề	A	16/10/2011	3	Xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
27	Hứa Xuân Thương	3/8/1992			Công nhân lái máy	Trung cấp nghề	A	4/10/2011	3	Xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
28	Hà Phong Nhã	4/8/1986			Công nhân lái máy	Trung cấp	A	01/4/2010	5	Xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

[illegible]

[illegible]

				hợp	kinh tế					
50	Đào Thị Hiền		20/10/1985	Nhân viên CN Dịch vụ tổng hợp	Đại học sư phạm sư	A	01/12/2008	5	Xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	
51	Lê Văn Điều	18/8/1974		GD CN Môi trường	Đại học xây dựng	A	10/10/1991	23	SN 39/3 Lê Lai, P Đông Sơn, TP Thanh Hóa	
52	Lê Thị Hương		10/11/1991	Kế toán CN môi trường	Trung cấp kế toán	A	18/01/2013	2	Thôn Tê Độ, Xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	
53	Hàn Thị Phúc		20/01/1990	Kỹ sư CN môi trường	Đại học nông nghiệp	A	18/01/2013	2	Thôn 2 Xã Hoàng Phượng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	
54	Lữ Thị Nga		25/7/1987	Thợ bậc 3/7 QL sửa chữa đường dây Trạm biến áp	Trung cấp điện	A	01/1/2010	4	Thôn Tân Đoài, xã Quân Tân, huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa	
55	Đỗ Hữu Xuân	14/4/1960		Nghề đúc hàn	Trung cấp cơ khí	A	17/7/1983	32	Phố Bến Ngự, Phường Nam Ngạn, TP Thanh Hóa	
56	Võ Duy Nam	20/6/1982		Điện dân dụng	Cao đẳng nghề điện	A	10/8/2013	2	Xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	
57	Lê Duy Hải	24/11/1987		Điện dân dụng	Cao đẳng nghề điện	A	01/7/2009	6	Xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	
58	Lê Hồng Sơn	4/3/1967		Công nhân CN môi trường	Sơ cấp điện	A	01/3/2012	3	SN 03/139 phường Trường Thị TP Thanh Hóa	
59	Hoàng Văn Công	5/5/1982		Xây dựng cầu đường bộ	Trung cấp xây	A	11/12/2008	6	Thôn Quang Trung, xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa tỉnh	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Loại hình đào tạo	Thời gian đào tạo	Địa điểm đào tạo
60	Nguyễn Ngọc Thành	30/11/1970	Công nhân CN môi trường		CN kỹ thuật nghề	01/7/2009	Xã Quảng Tâm, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
61	Nguyễn Thị Thảo	8/2/1991	Nhân viên CN môi trường		Cao đẳng công nghệ môi trường	10/9/2013	SN 08/12 phố Bến Ngự, phường Trường Thi, TP Thanh Hóa
62	Vũ Hồng Sơn	3/2/1979	Giám đốc CNQL Nhà ở sinh viên		Thạc sĩ QTKD	9/1998	Khu đô thị mới Đông Sơn TP Thanh Hóa
63	Trần Thị Thu Thủy	26/10/1986	Nhân viên CN QL Nhà ở sinh viên		Đại học CNTT	21/4/2014	SN 11 Cửa Hữu, phường Tân Sơn, TP Thanh Hóa
64	Hứa Thị Ngọc	5/9/1988	Nhân viên CN QL Nhà ở sinh viên		Đại học sư phạm	01/11/2012	Quảng Trường, Quảng Xương Thanh Hóa
65	Mai Thị Lệ Thư	28/12/1988	Kế toán CNQL Nhà ở sinh viên		Cử nhân kế toán	11/3/2013	SN 54/14 Đường Trần Bình Trọng, phường Đông Sơn TP Thanh Hóa
66	Hoàng Thị Hưng	14/4/1988	Nhân viên thủ quỹ CN QL Nhà ở sinh viên		Đại học sư phạm	10/9/2012	Thôn Vĩnh Trụ 1, xã An Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
67	Cù Minh Đức	26/12/1989	Nhân viên sửa chữa điện CN QL Nhà ở sinh viên		Trung cấp nghề điện	10/9/2012	Phường Đông Sơn TP Thanh Hóa
68	Vũ Thị Thủy	19/7/1970	Nhân viên phục vụ bếp ăn CNQL Nhà ở sinh viên		12/12	02/11/2012	phường Đông Sơn TP Thanh Hóa
69	Trịnh Văn Thắng	9/4/1980	Nhân viên sửa chữa điện CN		Trung cấp	4/2003	Xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

				QL Nhà ở sinh viên	diện			12	
70	Lê Huy Phương	10/10/1974		Nhân viên bảo vệ CN QL Nhà ở sinh viên	12/12	A	12/10/2012	2	Xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
71	Trần Văn Cường	26/11/1969		Nhân viên bảo vệ CN QL Nhà ở sinh viên	12/12	A	10/10/2012	2	Khu tập thể Mỏ Cromit phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa
72	Lê Thị Gái		25/12/1977	Tạp vụ	12/12	A	01/5/2011	4	Xã Tế Tân, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
73	Lê Xuân Trường	26/01/1981		Nhân viên bảo vệ CN QL Nhà ở sinh viên	12/12	A	01/01/2008	7	Xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
74	Nguyễn Thị Huyền		16/6/1990	Nhân viên kế toán CN QL Nhà ở sinh viên	Cao đẳng kế toán	A	15/10/2012	2	Thôn 8 xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
75	Nguyễn Thị Diệu		24/4/1987	Nhân viên Đầu bếp CNQL Nhà ở sinh viên	Trung cấp nấu ăn	A	01/6/2013	2	Xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
76	Phạm Thị Tuyết		20/9/1985	Nhân viên CNQL Nhà ở sinh viên	Trung cấp Du lịch	A	01/6/2013	2	Thôn 10 Phú Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
77	Nguyễn Hữu Đắc	20/3/1969		Nhân viên Bảo vệ CNQL Nhà ở sinh viên	Công nhân nghề sắt	A	01/01/2004	11	Xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
78	Nguyễn Văn Lâm	15/4/1982		Nhân viên Bảo vệ CNQL Nhà ở sinh viên	12/12	A	01/5/2009	6	Xã Hoàng Khê, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
79	Nguyễn Châu Tuấn	19/6/1974		Nhân viên sửa chữa điện CNQL Nhà ở	Đại học kỹ thuật	A	7/2001		SN 10C phố Tây Bắc Ga, phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa

Mẫu số 2

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

DANH SÁCH LAO ĐỘNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NGHỈ HƯU TẠI THỜI ĐIỂM
CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Ngày, tháng, năm sinh		Tổng thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước	Thời gian đã đóng BHXH	Nơi ở khi nghỉ hưu	Ghi chú
			Nam	Nữ				
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Sỹ Tường

Ngày tháng năm 2015
GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP



Hứa Duy Sách



UBND TỈNH THANH HÓA

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TÀNG THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 3

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**DANH SÁCH LAO ĐỘNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM
CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Ngày, tháng, năm sinh		Tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước	Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Đối tượng hết hạn hợp đồng lao động						
...							
II	Đối tượng tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động						
III	Đối tượng chấm dứt hợp đồng với lý do khác theo quy định của pháp luật						
I							

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Tháng, năm sinh		Tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước (năm, tháng)	Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Đối tượng hết hạn hợp đồng lao động						
II	Đối tượng nghỉ theo Nghị định 63/2015/NĐ -CP						
III	Lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm, thôi việc						
1	Nguyễn Thế Hưng	16	8/8/1960		32 năm 10 tháng	32 năm 10 tháng	
2	Lê Huy Phương	70	10/10/1974		2 năm 11 tháng	2 năm 11 tháng	
IV	Đối tượng về nghỉ việc theo Nghị định 108/2014/NĐ -CP của Chính phủ						
1	Lê Công Hiệp	02	10/01/1959		35 năm	35 năm	

Ngày Tháng năm 2015
GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ NGHIỆP VỤ

Ngày tháng năm 2015

GIÁM ĐỐC ĐOÀN NH NGHIỆP

CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
HÀ TĂNG
THƯƠNG HỮU

Hứa Duy Sách

Lê Sỹ Tường

Mẫu số 5

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**DANH SÁCH LAO ĐỘNG SẼ CHUYỂN SANG LÀM VIỆC Ở CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI
THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Tháng, năm sinh		Dự kiến chỗ làm việc mới trong doanh nghiệp cổ phần hóa	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội (năm, tháng)	Ghi chú
			Nam	Nữ			
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hứa Duy Sách	1	25/7/1964		Chủ tịch HĐQT	28	
2	Vũ Văn Quy	3	01/10/1968		Thành viên HĐQT	20	
3	Hà Thị Thu	4		17/10/1975	Thành viên HĐQT	17,3	
4	Lê Sỹ Tường	5	8/5/1963		Thành viên HĐQT	30,3	

5	Lê Trung Thi	6	01/7/1956		Phòng TCHC	41,3	
6	Lê Huy Đạt	7	20/9/1982		Trưởng ban	13,01	
7	Nguyễn Thế Khoa	8	28/11/1977		Phòng TCHC	13,7	
8	Mai Thị Tuyết	9		01/01/1980	Phòng TCHC	16,10	
9	Nguyễn Ngọc Tuấn	10	10/6/1980		Phòng TCHC	7,3	
10	Hứa Xuân Hà	11	18/4/1987		Phòng TCHC	5,5	
11	Đinh Thị Hoa	12		23/7/1980	Phòng TCHC	11,10	
12	Bùi Ái Ly	13		24/3/1991	Ban quản lý chợ KCN	1,11	Nghỉ thai sản
13	Lê Văn Sơn	14	3/2/1986		Phòng TCHC	5,7	
14	Hoàng Ngọc Hùng	15	20/4/1960			1,3	Đổi tượng đã về hưu
15	Nguyễn Trọng Hưng	17	30/8/1990		Tổ bảo vệ	3,7	
16	Hoàng Văn Hoàn	18	24/4/1989		Tổ bảo vệ	4,11	
17	Lê Trọng Huệ	19	26/3/1988		Tổ bảo vệ	5,3	
18	Lê Văn Dương	20	2/7/1979		Tổ bảo vệ	6	
19	Nguyễn Văn Tuấn	21	20/10/1987		Tổ bảo vệ	2	
20	Nguyễn Tiến Tài	22	10/8/1982		Tổ bảo vệ	2	
21	Hoàng Văn Tiếp	23	10/9/1986		Tổ bảo vệ	2	

22	Nguyễn Xuân Dương	25	9/2/1982			Tổ Cơ giới	6,2	
23	Hồ Văn Quý	26	15/01/1983			Tổ Cơ giới	3,3	
24	Hứa Xuân Thường	27	3/8/1992			Tổ Cơ giới	3,10	
25	Hà Phong Nhã	28	4/8/1986			Tổ Cơ giới	5,7	
26	Lê Thị Hồng	29		18/2/1989		Phòng KHTC	3	Nghỉ thai sản
27	Nguyễn Thị Hương	30		14/2/1981		Phòng KHTC	4,3	
28	Đặng Thị phương	31		21/3/1988		Phòng KHTC	2,6	
29	Trần Thị Dung	32		19/5/1989		Phòng KHTC	1,9	Nghỉ thai sản
30	Lê Thị Hồng Nhung	33		10/7/1986		Phòng KHTC	5,11	
31	Lê Ngọc Thái	34	13/10/1979			Phòng KTQLDA	13,1	
32	Lê Trọng Lương	35	7/11/1982			Phòng KTQLDA	5,11	
33	Lê Công Hưng	36	24/12/1984			Phòng KTQLDA	4,8	
34	Võ Ngọc Sơn	37	15/2/1981			Phòng KTQLDA	11,01	
35	Trịnh Văn Hồng	38	02/9/1976			Phòng KTQLDA	19,2	
36	Lê Hữu Nam	39	18/2/1988			Phòng KTQLDA	1,5	
37	Lê Hồng Thông	40	15/7/1962			Chi nhánh XD	33,1	

						số 1			
38	Nguyễn Văn Quỳnh		41		5/2/1986		Chi nhánh XD số 1	5,11	
39	Lê Ngọc Thanh		42		7/01/1977		Chi nhánh XD số 1	16,1	
40	Phạm Văn Luật		43		29/6/1986		Chi nhánh XD số 1	5,11	
41	Lê Đình Đoàn		44		7/8/1983		Chi nhánh XD số 1	6,2	
42	Viên Đình Huấn		45		5/7/1989		Chi nhánh XD số 1	3,2	
43	Trần Ngọc Dũng		46		8/6/1970		Chi nhánh DVTH	23,8	
44	Lê Văn Bình		47		26/01/1982		Chi nhánh DVTH	7,7	
45	Cao Thị Ngọc Hà		48			20/6/1987	Chi nhánh DVTH	4,10	
46	Lê Văn Hoàn		49		5/9/1988		Chi nhánh DVTH	3,10	
47	Đào Thị Hiền		50			20/10/1985	Chi nhánh DVTH	5,11	
48	Lê Văn Điều		51		18/8/1974		Chi nhánh Môi trường	23,10	
49	Lê Thị Hương		52			10/11/1991	Chi nhánh Môi trường	2,5	

50	Hàn Thị Phúc	53		20/01/1990	Chi nhánh Môi trường	2,5	Nghi thai sản
51	Lữ Thị Nga	54		25/7/1987	Chi nhánh Môi trường	4,10	Nghi thai sản
52	Võ Duy Nam	56	20/6/1982		Chi nhánh Môi trường	2,6	
53	Lê Duy Hải	57	24/11/1987		Chi nhánh Môi trường	6,2	
54	Lê Hồng Sơn	58	4/3/1967		Chi nhánh QLNO SV	3,2	
55	Hoàng Văn Công	59	5/5/1982		Chi nhánh MT	10,2	
56	Nguyễn Ngọc Thành	60	30/11/1970		Chi nhánh Môi trường	6,2	
57	Nguyễn Thị Thảo	61		8/2/1991	Chi nhánh Môi trường	1,9	
58	Vũ Hồng Sơn	62	3/2/1979		Chi nhánh QLNO SV	17,9	
59	Trần Thị Thu Thủy	63		26/10/1986	Chi nhánh QLNO SV	3,2	
60	Hứa Thị Ngọc	64		5/9/1988	Chi nhánh QLNO SV	3,4	
61	Mai Thị Lệ Thư	65		28/12/1988	Chi nhánh QLNO SV	2,6	
62	Hoàng Thị Hưng	66		14/4/1988	Chi nhánh QLNO SV	2,6	

63	Cù Minh Đức	67	26/12/1989		Chi nhánh QLNOSV	2,6	
64	Vũ Thị Thúy	68		19/7/1970	Chi nhánh QLNOSV	14,5	
65	Trịnh Văn Thắng	69	9/4/1980		Chi nhánh QLNOSV	12,4	
66	Nguyễn Tiến Đạt	24					HDLĐ dưới 12 tháng
67	Trần Văn Cường	71	26/11/1969		Chi nhánh QLNOSV	2,10	
68	Lê Thị Gái	72		25/12/1977	Chi nhánh QLNOSV	3,10	
69	Lê Xuân Trường	73	26/01/1981		Chi nhánh QLNOSV	7,10	
70	Nguyễn Thị Huyền	74		16/6/1990	Chi nhánh QLNOSV	2,6	
71	Nguyễn Thị Diệu	75		24/4/1987	Chi nhánh QLNOSV	2,3	
72	Phạm Thị Tuyết	76		20/9/1985	Chi nhánh QLNOSV	2,3	
73	Nguyễn Hữu Đắc	77	20/3/1969		Chi nhánh QLNOSV	27,5	
74	Nguyễn Văn Lâm	78	15/4/1982		Chi nhánh QLNOSV	5,9	
75	Nguyễn Châu Tuấn	79	19/6/1974		Chi nhánh QLNOSV	14,4	

76	Lê Công Hiến	80	27/01/1988		Chi nhánh QLNOSV	1,11	
77	Lê Thị Ánh Ngọc	81		5/5/1988	CN DV KCN Tây Bắc Ga	3,3	Nghi thai sản
78	Trịnh Chí Hùng	82	18/7/1971		Chi nhánh Dịch vụ KCN Tây Bắc ga	14,4	
79	Lê Thị Vân Anh	83		17/4/1990	Chi nhánh XD số 2	2,11	Nghi thai sản
80	Đỗ Hữu Xuân	55	14/4/1960		CN Môi trường	32	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Sỹ Tường

Ngày tháng năm 2015

GIÁM ĐỐC



Hứa Duy Sách

Mẫu số 6

Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	83	
1.	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	4	
2	Lao động làm việc theo Hợp đồng lao động	78	
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	76	
	b) Làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	02	
	c) Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng		
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty	01	
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	03	
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động	0	
	a) Hết hạn hợp đồng lao động		
	b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động		
	c) Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật		

3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	03
	a) Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP	
	b, Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	02
	c, Số lao động nghỉ theo Nghị định 108 của Chính phủ	01
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	80
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	80
	Trong đó: số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	07
	a) Ốm đau	
	b) Thai sản	07
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	
2	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	
	a) Nghĩa vụ quân sự	
	b) Nghĩa vụ công dân khác	
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	
	d) Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Sỹ Tường

Ngày tháng năm 2015

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP



Hứa Duy Sách

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8917 /UBND-KTTC

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 9 năm 2015

V/v phương án sử dụng đất sau khi
cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành
viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá

Kính gửi: Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành
viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá.

UBND tỉnh Thanh Hoá nhận được Công văn số 3862/STNMT-QLDD ngày 31/8/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

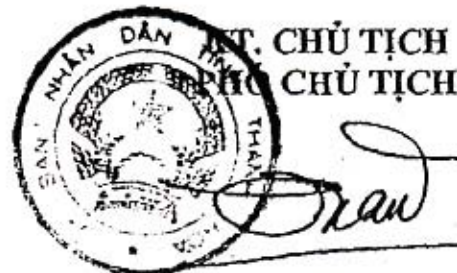
- Đồng ý với đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3862/STNMT-QLDD ngày 31/8/2015 về phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các ngành và đơn vị có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo doanh nghiệp sau cổ phần hoá thực hiện các thủ tục để ký Hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, các tài sản khác gắn liền với đất theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Giao Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá lập phương án cổ phần hoá doanh nghiệp theo quy định; thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các sở: TN&MT, LĐT&XH, NV, KH&ĐT;
 - Công ty ĐTPHT Thanh Hoá;
 - Lưu: VT, KTTC.
- (CV-PA Dnt Hạ tầng 9-15)



Lê Anh Tuấn

THÔNG BÁO

Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Anh Tuấn tại cuộc họp về tình hình cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.

Ngày 10 tháng 9 năm 2015, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Anh Tuấn chủ trì cuộc họp nghe báo cáo tình hình tiến độ về cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; tham dự hội nghị có các thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hoá và thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, gồm: Lãnh đạo các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hoá; các doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Thanh Hoá, Công ty TNHH Một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hoá, Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá, Công ty Cổ phần Du lịch Thanh hoá, Công ty Cổ phần Thương mại miền núi Thanh Hoá; Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp báo cáo tình hình tiến độ thực hiện cổ phần hoá và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp; sau khi xem xét đề nghị của Ban chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp tại Công văn số 3317/BCĐ ngày 7/9/2015 về phương án sử dụng đất sau cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá, ý kiến tham gia của các ngành và các thành viên tham dự. Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Anh Tuấn kết luận như sau:

1. Tiến độ thực hiện cổ phần hoá và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

- Yêu cầu Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hoá và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp cần phải tập trung và quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc các thành viên ban chỉ đạo chủ động xử lý những vấn đề vướng mắc thuộc thẩm quyền trong quá trình thực hiện thuộc lĩnh vực của ngành mình phụ trách; đồng thời phải kịp thời tham mưu, đề xuất báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và các Bộ, Ngành Trung ương giải quyết những vướng mắc phát sinh vượt quá thẩm quyền.

Các ngành, thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp với chức năng nhiệm vụ được giao phải chủ động thực hiện nghiêm túc các bước công việc theo đúng kế hoạch và tiến độ đề ra.

- Ban Chỉ đạo cổ phần hoá và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp có trách nhiệm thẩm định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hoá, Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá và xác định giá khởi điểm chào

bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Du lịch Thanh hoá, trình Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 15/9/2015; thẩm định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Thanh Hoá và xác định giá khởi điểm chào bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại miền núi Thanh Hoá, trình Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 30/9/2015.

2. Đồng ý với đề nghị của Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá: Đối với diện tích đất xây dựng Nhà ở sinh viên 13 tầng tại phường Đông Vệ và phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hoá không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hoá.

3. Giao Văn phòng UBND tỉnh bố trí lịch để Thường trực UBND tỉnh xem xét, thông qua giá trị doanh nghiệp, phương án cổ phần hoá doanh nghiệp và giá khởi điểm chào bán cổ phần tại các doanh nghiệp.

Văn phòng UBND tỉnh thông báo Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Anh Tuấn để các Sở, Ban, Ngành và đơn vị liên quan thực hiện./.

Nơi nhận:

- TTr Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để b/c);
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Các sở: TC, KH&ĐT, L&TB&XH, NV, TN&MT, NN&PTNT;
 - Các doanh nghiệp liên quan;
 - Lưu: VT, KTTT.
- (TB-KL Họp DN 9-15)

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Huy Chân

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3862/STNMT-QLĐĐ

Thanh Hoá, ngày 31 tháng 8 năm 2014

V/v Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần
hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển
hạ tầng Thanh Hóa

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 7330/UBND-KTTC ngày 27/7/2015 về việc Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa. Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh như sau:

1. Về nội dung đề nghị của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa:

Tại Công văn số 127/CTĐTPTHT-QLDA ngày 24/7/2015 về Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa và Công văn số 166/CTĐTPTHT-QLDA ngày 28/8/2015 về đề nghị điều chỉnh, bổ sung Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa, Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa đề nghị:

- Khu đất tại Khu Công nghiệp Lễ Môn, thành phố Thanh Hóa, Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa (trước đây là Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng các khu công nghiệp) được UBND tỉnh Thanh Hóa cho thuê 754.350 m² đất để sử dụng vào mục đích: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; cụ thể:

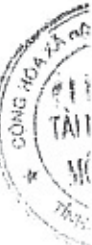
+ Tại Quyết định số 3131/QĐ-CT ngày 27/9/2002: Diện tích 626.100 m²; Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm; Thời hạn thuê đất: 50 năm, tính từ ngày 18/01/1999.

+ Tại Quyết định số 1648/QĐ-CT ngày 13/6/2006: Diện tích 128.250 m²; Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm; Thời hạn thuê đất: 50 năm, tính từ ngày 13/6/2006.

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa đề nghị phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa được tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm đối với diện tích đất thuê tại 02 quyết định trên sau khi cổ phần hóa.

- Khu đất mở rộng Khu công nghiệp Lễ Môn để phục vụ giai đoạn 2 Nhà máy may Sakurai, diện tích 85.038 m²; Công ty được UBND tỉnh cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê để sử dụng vào mục đích Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 12/02/2015. Công ty đề nghị được tiếp tục thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê sau khi cổ phần hóa.

- Khu đất xây dựng Nhà ở sinh viên 13 tầng, Cơ sở 3 - Trường Đại học Hồng Đức tại phường Đông Vệ và phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, Công ty được UBND tỉnh giao đất có thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 05/12/2013, diện tích 9.830 m²; thời hạn giao đất 50 năm,



tính từ ngày 05/02/2013. Công ty đề nghị hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê sau khi cổ phần hoá.

- Khu đất xây dựng Nhà ở xã hội dành cho công nhân tại Khu Công nghiệp Lễ Môn, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa: Công ty được UBND tỉnh giao đất có thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 03/11/2014, diện tích 29.977,6 m²; thời hạn giao đất 50 năm, tính từ ngày 03/11/2014. Công ty đề nghị được tiếp tục hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất sau khi cổ phần hoá.

- Khu đất xây dựng Trụ sở Công ty tại Khu Kinh tế Nghi Sơn, xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia: Công ty được giao đất có thu tiền sử dụng đất diện tích 1.600 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC044771 ngày 24/8/2014. Công ty đề nghị hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê sau khi cổ phần hoá.

- Khu đất đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ dự án Nhà máy sản xuất giấy xuất khẩu tại Khu Kinh tế Nghi Sơn, diện tích 217.504 m² (đã trừ 1.600 m² đất xây dựng Trụ sở Công ty tại Khu Kinh tế Nghi Sơn nêu trên): Công ty được Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn giao lại đất để sử dụng vào mục đích Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho Công ty TNHH Giấy ANORA Việt Nam thuê lại để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất giấy xuất khẩu theo Quyết định số 415/QĐ-BQLKKTNS ngày 10/11/2010. Công ty đề nghị hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê sau khi cổ phần hoá.

- Khu đất xây dựng Trụ sở hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa tại phường Đông Hưng, thành phố Thanh Hóa: Công ty được giao tiếp quản, quản lý, vận hành tài sản đã đầu tư (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích 2.940 m². Công ty đề nghị tiếp tục giao cho Công ty quản lý tài sản; không thu tiền sử dụng đất.

2. Ý kiến của các sở, ngành liên quan về đề nghị của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư phát triển hạ tầng Thanh Hóa:

- Sở Tài chính tại Công văn số 2950/STC-TCDN ngày 07/8/2015: Thống nhất phương án sử dụng đất của Công ty đối với các khu đất Nhà ở sinh viên 13 tầng, Nhà ở cho công nhân tại Khu Công nghiệp Lễ Môn, Trụ sở Công ty tại Khu Kinh tế Nghi Sơn. Riêng đối với khu đất Khu Công nghiệp Lễ Môn, đề nghị giao Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn quản lý do đây là tài sản nhà nước.

- Sở Xây dựng tại Công văn số 4085/SXD-QLN ngày 07/8/2015: Căn cứ quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở thì Nhà ở sinh viên 13 tầng được miễn tiền sử dụng đất; Trụ sở hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh không thu tiền sử dụng đất.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2489/SKHĐT-ĐKKD ngày 10/8/2015: Thống nhất với phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa tại các cơ sở nhà đất theo đề nghị của Công ty. Riêng đối với phương án sử dụng đất tại Trụ sở hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh, sau khi thực hiện cổ phần hóa, đề nghị giao cho Sở Xây dựng phối hợp với Sở Tài chính nghiên cứu đề xuất phương án quản lý, vận hành, bảo trì và quản lý tài sản của trụ sở; trước mắt đề nghị giao cho Công ty quản lý tài sản, không thu tiền sử dụng đất.

- Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn tại Công văn số 1237/BQLKKTNS-TNMT ngày 13/8/2015: Thống nhất với phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty; đề nghị thay đổi nội dung tại cột phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang cổ phần "Giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất" sang hình thức "Cho thuê đất trả tiền một lần và được miễn tiền sử dụng đất" tại các mục 2, 3, 4 Công văn số 127/CTĐTPTHT-QLDA ngày 24/7/2015 của Công ty.

- Cục Thuế tại Công văn số 2369/CT-QLD ngày 07/8/2015: Cơ bản thống nhất với phương án cổ phần hóa của Công ty; đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai để tham mưu cho UBND tỉnh hình thức sử dụng đất sau khi cổ phần hóa đối với diện tích đất Trụ sở hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh.

- UBND thành phố Thanh Hóa tại Công văn số 2731/UBND-TNMT ngày 07/8/2015: Thống nhất với phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa theo đề nghị của Công ty.

3. Các quy định của pháp luật:

Tại điểm 1 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần quy định: "Đối với toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp cổ phần hóa đang quản lý, sử dụng làm mặt bằng xây dựng trụ sở, văn phòng giao dịch; xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối (kể cả đất đã được Nhà nước giao có thu hoặc không thu tiền sử dụng đất) thì doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm xây dựng phương án sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp phải bảo đảm phù hợp với quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phải được gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn trước khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp. Doanh nghiệp được lựa chọn hình thức thuê đất hoặc giao đất theo quy định của Luật Đất đai"; Điểm 6 khoản 6 quy định: "Đối với diện tích đất thuê theo phương thức trả tiền thuê đất hàng năm thì doanh nghiệp được tiếp tục thực hiện thuê đất trả tiền hàng năm theo quy định của pháp luật hiện hành và không tính tiền thuê đất vào giá trị doanh nghiệp".

Tại Điều 43 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định:

"1. Doanh nghiệp nhà nước đang sử dụng đất do được Nhà nước giao, cho thuê mà thực hiện cổ phần hóa thì doanh nghiệp cổ phần hóa được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 55 của Luật Đất đai, cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Điều 56 của Luật Đất đai.

2. Việc xử lý giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa được thực hiện theo quy định của Chính phủ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nhưng phải đảm bảo nguyên tắc giá đất để xác định giá trị quyền sử dụng đất là giá đất cụ

thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại Khoản 3 và Điểm d Khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai.”

Tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 26/2013/TT-BTNMT ngày 20/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định diện tích đất loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp quy định tại Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ quy định: “Diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong khu công nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

Tại Điều 8 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:

“Trường hợp chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần hoặc ngược lại; từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc chuyển đổi ngược lại thì việc sử dụng đất được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trường hợp chuyển đổi công ty mà không thay đổi mục đích sử dụng đất thì xử lý như sau:

a) Trường hợp công ty trước khi chuyển đổi đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp, tiền nhận chuyển quyền sử dụng đất đã trả có nguồn từ ngân sách nhà nước thì Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất đối với công ty sau khi chuyển đổi theo quy định của pháp luật về đất đai.

Giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với công ty sau khi chuyển đổi;”.

4. Đề xuất và kiến nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Căn cứ các quy định của pháp luật nêu trên và ý kiến của các sở, ngành liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND tỉnh như sau:

a) Về hình thức sử dụng đất của Công ty sau khi cổ phần hóa:

- Đối với khu đất đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp tại Khu Công nghiệp Lễ Môn: Đồng ý cho Công ty sau khi cổ phần hóa được tiếp tục thực hiện hình thức thuê đất trả tiền hàng năm đối với toàn bộ diện tích đất Công ty đang được UBND tỉnh cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Đối với khu đất đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp tại Khu công nghiệp Lễ Môn để phục vụ giai đoạn 2 Nhà máy may Sakurai: Đồng ý cho Công ty sau khi cổ phần hóa được tiếp tục thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

- Đối với khu đất xây dựng Nhà ở xã hội dành cho công nhân tại Khu Công nghiệp Lễ Môn, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa: Cho phép Công ty

sau khi cổ phần hóa được tiếp tục thực hiện hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất theo đề nghị của Công ty (vì khu đất này, Công ty được UBND tỉnh giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013).

- Đối với khu đất xây dựng Nhà ở sinh viên 13 tầng, Cơ sở 3 - Trường Đại học Hồng Đức tại phường Đông Vệ và phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa: Cho phép Công ty sau khi cổ phần hóa được thực hiện chuyển sang hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (vì đây là dự án nhà ở để cho thuê; không phải dự án nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê nên không thuộc trường hợp nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà phải chuyển sang hình thức thuê đất theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

- Đối với khu đất xây dựng Trụ sở Công ty tại Khu Kinh tế Nghi Sơn, xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia: Cho phép Công ty sau khi cổ phần hóa được thực hiện hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

- Đối với khu đất đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ dự án Nhà máy sản xuất giấy xuất khẩu tại Khu Kinh tế Nghi Sơn, diện tích 217.504 m² (đã trừ 1.600 m² đất xây dựng Trụ sở Công ty tại Khu Kinh tế Nghi Sơn nêu trên): Cho phép Công ty sau khi cổ phần hóa được thực hiện hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

- Đối với khu đất xây dựng Trụ sở hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa: Cho phép Công ty sau khi cổ phần hóa được tiếp tục vận hành, quản lý tài sản; không thu tiền sử dụng đất.

Sau khi thực hiện xong cổ phần hóa, Công ty sau cổ phần hóa liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn lập hồ sơ giao đất, thuê đất, xác định giá đất cụ thể, làm cơ sở để ký Hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho doanh nghiệp sau cổ phần hóa theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Về diện tích đất loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp:

- Thống nhất loại trừ diện tích 2.940 m² đất xây dựng Trụ sở hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa không tính vào giá trị doanh nghiệp (vì diện tích này không giao đất cho Công ty mà chỉ giao quản lý, vận hành tài sản trên đất).

- Không đồng ý việc loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp đối với diện tích đất xây dựng Nhà ở sinh viên 13 tầng, Cơ sở 3 - Trường Đại học Hồng Đức tại phường Đông Vệ và phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa. Vì diện tích này đã được UBND tỉnh giao đất có thu tiền sử dụng đất cho Công ty; đã được xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của Công ty theo Biên bản ngày 20/7/2015.

- Đối với diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Lễ Môn: Thống nhất loại trừ toàn bộ diện tích đất thuê trả tiền hàng năm trong Khu Công nghiệp Lễ Môn không tính vào giá trị doanh nghiệp.

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. / *Đa*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cty TNHH MTV Đầu tư PTHI Thanh Hóa;
- Lưu: VT, QLDD, Tuyen15.12.



Vũ Đình Xinh